

Số: 999/DNP-TCKT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO

Chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 267/GCN-UBCK do
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/11/2021)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.
2. Tên viết tắt: DONGNAPLAST.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
4. Số điện thoại: 0251 3836174 Số fax: 0251 3836174.
Website: www.dnpcorp.vn.
5. Vốn điều lệ: 1.091.544.930.000 đồng (Một nghìn không trăm chín mươi một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).
6. Mã cổ phiếu: DNP.
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Biên Hòa.
Số hiệu tài khoản: 116002859187.
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004 cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 01 tháng 12 năm 2020.



- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic (chi tiết: Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa).
- Mã ngành: 2220.

9. Sản phẩm/dịch vụ chính: Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa.
10. Giấy phép thành lập và hoạt động: Không có.

II. Mục đích chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/07/2021, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

III. Phương án chào bán

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 10.914.568 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 20.698 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động: 225.909.728.464 đồng.
6. Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không có .
8. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 08/12/2021 đến ngày 27/12/2021
Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 08/12/2021 đến ngày 22/12/2021
9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông đăng ký tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký chứng khoán.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông đăng ký tại Trụ sở chính Công ty cổ

50066
CÔNG
CỔ PHẦN
NHỰA
ĐỒNG
NAI
HỒ CHÍ MINH

phần Nhựa Đồng Nai - Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 08/12/2021 đến ngày 27/12/2021

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Số tài khoản: 1022810267.
- Người thụ hưởng: Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

12. Các tổ chức liên quan

- **Tổ chức tư vấn:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 6276 2666.

Fax: 024 6276 5666.

Website: agriseco.com.vn

- **Tổ chức kiểm toán:**

CÔNG TY GRANT THORNTON VIỆT NAM.

Địa chỉ văn phòng tại HCM: Tầng 14 Tòa nhà Pearl plaza, 561A Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3910 9100.

Fax: 028 3910 9101.

Website: www.granthornton.com.vn.

13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch: Bản cáo bạch và tài liệu bổ sung được cung cấp tại : www.dnpcorp.vn, agriseco.com.vn và tại:

- Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.



**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN HIẾU



Số: 267/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONGNAI PLASTIC JOINT - STOCK COMPANY;

– Tên công ty viết tắt: DONAPLAST;

– Trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 01 tháng 12 năm 2020;

– Vốn điều lệ: 1.091.544.930.000 đồng (*Một nghìn không trăm chín mươi một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai được đăng ký chào bán thêm ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 10.914.568 cổ phiếu (*Mười triệu chín trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám cổ phiếu*);
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 109.145.680.000 đồng (*Một trăm lẻ chín tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*);
5. Đối tượng: Cổ đông hiện hữu;
6. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;
7. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
8. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán AGRIBANK.

Điều 3. Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Chân Phương

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 01/12/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 26/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2021, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

- Trụ sở chính : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251 3836174 Fax: 0251 3836174
- Website : www.dnpcorp.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

- Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666
- Website : www.agriseco.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Ngọc Anh

Chức vụ: Trưởng phòng Pháp chế

Số điện thoại: 0251 3836174

Fax: 0251 3836174



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 01/12/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- ❖ Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- ❖ Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
- ❖ Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- ❖ Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- ❖ Tổng số lượng cổ phiếu chào bán : 10.914.568 cổ phiếu.
- ❖ Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá : 109.145.680.000 đồng.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

- Địa chỉ : Tầng 14 Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 3910 9100 Fax: 028 3910 9101.
- Website : www.granthornton.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

- Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại : 024 6276 2666. Fax: 024 6276 5666.
- Website : <https://agriseco.com.vn>



MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:	5
1. Tổ chức phát hành:	5
2. Tổ chức tư vấn:	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	9
3. Rủi ro đặc thù:	9
4. Rủi ro về đợt chào bán:	11
4.1. Rủi ro của đợt chào bán:	11
4.2. Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:	11
5. Rủi ro pha loãng:	12
5.1. Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):	12
5.2. Đánh giá mức độ pha loãng giá cổ phiếu:	13
5.3. Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:	13
6. Rủi ro quản trị Công ty	14
7. Rủi ro khác	14
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT:	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:	17
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành:	17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành:	19
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành:	22
4. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành:	23
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	28
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	34
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	36
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	37



9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	38
10.	Hoạt động kinh doanh	38
11.	Chính sách đối với người lao động.....	66
12.	Chính sách cổ tức	68
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	68
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	69
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:	70
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:.....	70
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:		70
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	70
2.	Tình hình tài chính.....	73
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.	82
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	83
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG:		88
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập:.....	88
2.	Thông tin về cổ đông lớn:	88
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:	91
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:		113
1.	Loại cổ phiếu:	113
2.	Mệnh giá:.....	113
3.	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:.....	113
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	113
5.	Giá chào bán dự kiến:	113
6.	Phương pháp tính giá:.....	113



7.	Phương thức phân phối:.....	114
8.	Đăng ký mua cổ phiếu:.....	115
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:	116
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu:.....	117
11.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:.....	117
12.	Hủy bỏ đợt chào bán:.....	117
13.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài:	118
14.	Các loại thuế có liên quan:	118
15.	Thông tin về các cam kết:.....	119
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:.....		120
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:		120
1.	Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành:	120
2.	Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:.....	120
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:		122
1.	Các đối tác liên quan tới đợt chào bán:	122
2.	Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán:	122
3.	Đại lý phát hành:	123
4.	Các khoản phí và điều kiện kèm theo:	123
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:		123
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN:.....		123
XIII. PHỤ LỤC:		126
1.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	126
2.	Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị	126
3.	Điều lệ Công ty.....	126
4.	Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2019, 2020 và Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2021	126



I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- ❖ Ông: Vũ Đình Độ Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- ❖ Ông: Nguyễn Văn Hiếu Chức vụ: Tổng Giám đốc
- ❖ Ông: Trần Thái Sơn Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank

Đại diện được ủy quyền:

Ông: Đinh Ngọc Phương Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định số 88A/QĐ-CT.HĐQT ngày 11/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 20/2021/AGRISECO-DNP ngày 16 tháng 08 năm 2021 với Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai cung cấp.



II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Là một Công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai (DNP Corp) chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, biến động của lạm phát hay thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác trong ngành.

Bên cạnh việc DNP Corp đã cố gắng nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thì hoạt động quản trị rủi ro cũng luôn được quan tâm, nghiên cứu và áp dụng trên toàn Công ty. Nhiệm vụ chính của quản trị rủi ro là phát hiện những yếu tố rủi ro tiềm ẩn, những yếu tố bất ngờ ảnh hưởng đến chiến lược mục tiêu mà Công ty đề ra, nhằm đưa ra giải pháp ứng phó kịp thời giúp Công ty giải quyết khó khăn. Hiện tại, các rủi ro trọng yếu đang được kiểm soát, phù hợp với mức độ chịu rủi ro của Công ty.

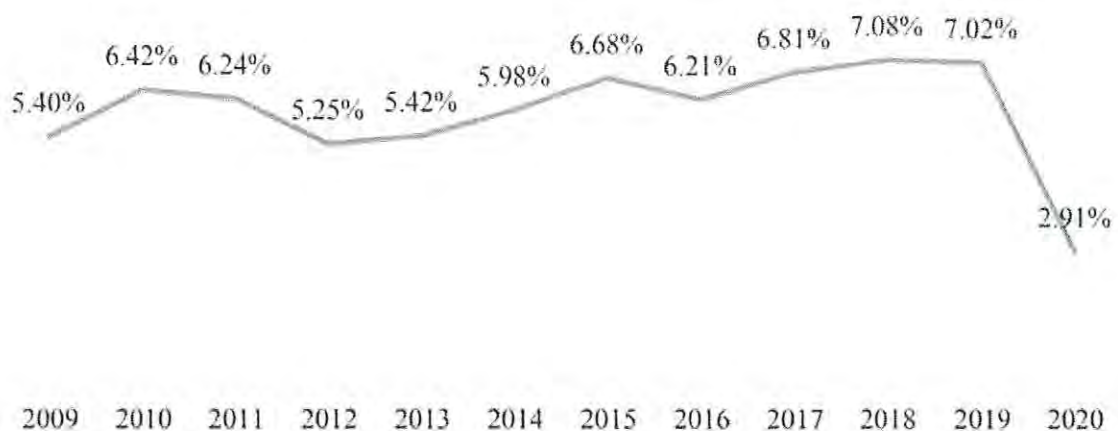
1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch COVID-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

Trong mức tăng GDP chung toàn nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5%; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; Khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5% vào tốc độ tăng GDP của cả nước.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

Năm 2021, mặc dù dịch bệnh COVID-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường,



nhưng những dấu hiệu tích cực đang dần sáng rõ. Nền kinh tế thế giới sẽ âm dần lên, kéo theo đó hoạt động đầu tư, thương mại của nền kinh tế nước ta. Theo dự báo của Viện kinh tế Việt Nam, tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam dự báo đạt 5,49% (kịch bản cơ sở), 6,9% (kịch bản cao) và 3,48% (kịch bản thấp). Khả năng đạt được mỗi kịch bản trong thực tế phụ thuộc vào tình hình kinh tế thế giới và sự tăng cường năng lực hấp thụ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Hiện tại tồn tại nhiều thách thức cho nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là rủi ro dịch bệnh bùng phát với các biến thể mới, thị trường thế giới gặp khó khăn, xuất khẩu tăng trưởng chậm ở các thị trường lớn như Mỹ, EU, biến động khó lường của giá nguyên vật liệu ... Đồng thời, diễn biến đợt dịch mới đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trên diện rộng đến nhiều tỉnh thành, đang chưa được kiểm soát, khiến nhiều lĩnh vực ngành nghề bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

1.2. Lạm phát

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, bình quân năm 2020, CPI tăng 3,23% so với năm 2019; trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 2,91%, khu vực nông thôn tăng 3,53% so với năm 2019. Lạm phát cơ bản năm 2020 tăng 2,31% so với năm 2019. Năm 2020 được coi là thành công trong việc kiểm soát lạm phát.

Điều này phản ánh biến động giá chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, giá xăng dầu và giá dịch vụ giáo dục tăng. Lạm phát cơ bản so cùng kỳ giảm dần từ mức 3,25% trong tháng 1/2020 về mức 0,99% trong tháng 12/2020. Điều này phản ánh kết quả của điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2020.



Biểu đồ 2: Lạm phát ở Việt Nam qua các năm (%)

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

Mục tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 đặt mục tiêu dưới 4%. Dù mục tiêu kiểm soát lạm phát thực hiện trong năm 2020 đã thành công ở mức 3,23%, song việc kiểm soát lạm phát năm 2021 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức do Chính phủ



thực hiện các chính sách tài khoá và tiền tệ để hỗ trợ doanh nghiệp giảm tác động của COVID-19.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất ống nhựa và các sản phẩm nhựa và gạch ngói, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DNP Corp thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, nhân công, lãi vay...

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của DNP Corp, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.3. Lãi suất

Năm 2020, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng, cộng hưởng với đại dịch COVID-19 tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu. Năm 2020, NHNN đã điều chỉnh giảm 1,5-2,0%/năm lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; Giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp, người dân.

Mục tiêu của ngành Ngân hàng trong năm 2021 là điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiềm chế lạm phát bình quân; Duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối.

Mức lãi suất ở mức phù hợp với khả năng chi trả của doanh nghiệp sẽ cải thiện tính thanh khoản cũng như tăng khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp cũng như của DNP Corp. DNP Corp có lợi thế là Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có tính minh bạch cao, có năng lực tài chính tốt, hệ số tín nhiệm tại các ngân hàng cao. Do đó, DNP Corp nhận được nhiều sự quan tâm và những chính sách hỗ trợ, hợp tác của các tổ chức tín dụng giúp cho các hoạt động của DNP Corp được diễn ra thông suốt và tạo nên những giá trị lớn về kinh tế, xã hội.

1.4. Tỷ giá

Năm 2020 tỷ giá USD/VND gần như duy trì ổn định và được dự báo sẽ duy trì ổn định đến cuối năm 2021 nhờ chính sách lãi suất thấp của FED, chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt của NHNN, bên cạnh đó nhờ vào nguồn cung USD dồi dào và xu hướng giảm giá trên thị trường quốc tế. Tỷ giá VND/USD được dự báo sẽ ổn định, giao động trong biên độ ít hơn 1% và Việt Nam tiếp tục được hưởng lợi nhiều nhất từ thương chiến Mỹ - Trung trong dài hạn nhờ sự dịch chuyển chuỗi sản xuất toàn cầu và hiệp định thương mại RCEP, CPTPP và EVFTA vừa ký kết. Để hạn chế và khắc phục rủi ro đến từ tỷ giá, Công ty đã tiến hành dự



báo biến động giá cả sản phẩm đầu vào, nhằm chủ động trong khâu nhập khẩu và tồn trữ vào thời điểm thích hợp, chủ động trong việc mua bán ngoại tệ vào thời điểm hợp lý phục vụ công tác mua hàng. Đồng thời Công ty cũng sản xuất các sản phẩm bao bì xuất khẩu nên có nguồn ngoại tệ đầu vào ổn định, đáp ứng được như cầu nhập nguyên vật liệu.

2. Rủi ro về luật pháp

Với hoạt động ở nhiều mảng kinh doanh trong nhiều lĩnh vực ngoài hệ thống Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định liên quan, hoạt động của công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật, quy định và chính sách về xây dựng, bất động sản, quản lý ngành nước sạch... Một số văn bản pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của công ty có thể kể đến Quyết định 58/2016/QĐ-TTg về tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước và danh mục doanh nghiệp Nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020, Nghị định 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Chỉ thị 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn liên tục...

Để quản lý rủi ro về mặt pháp lý, bộ phận Pháp chế và các đơn vị chuyên môn tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến luật pháp, thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi trong các văn bản pháp luật và các ảnh hưởng nếu có đến hoạt động kinh doanh của công ty, rà soát các văn bản liên quan đến chính sách, định hướng phát triển của công ty để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ quy định pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro giá nhiên liệu và giá dầu

Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu nhựa khiến ngành nhựa Việt Nam nói chung và công ty nói riêng khá nhạy cảm với biến động giá nguyên liệu nhựa trên thế giới và khu vực. Giá nguyên vật liệu đầu vào lại chiếm tới 70 - 80% trong cơ cấu chi phí sản xuất, điều này khiến biên lợi nhuận của công ty bị ảnh hưởng lớn khi chi phí đầu vào tăng lên. Tỷ trọng lớn nguyên vật liệu nhập khẩu khiến công ty ngành nhựa chịu rủi ro cao nếu giá đồng Việt Nam và đô la Mỹ, Euro biến động.

Trong khi tỷ giá khá ổn định năm 2020 và đầu năm 2021 thì giá nguyên vật liệu nhựa lại biến động lớn. Giá hạt nhựa PVC giảm vào cuối quý 2 và đầu quý 3/2020 nhưng cuối năm tăng trở lại mức bình quân năm 2019 (từ mức thấp kỷ lục là 630 USD/tấn vào tháng 4 lên vùng giá 840-850 USD/tấn, tương đương mức bình quân năm 2019). Đến tháng 01/2021 cùng với việc giá dầu chạm mức cao nhất kể từ tháng 03/2020, giá hạt nhựa tăng từ 700 USD lên gần 1.300 USD/tấn tương ứng mức tăng gần 50%. Trong bối cảnh cung lớn hơn cầu tiếp diễn khiến doanh nghiệp nhựa khó khăn tăng giá bán thì lợi nhuận phụ thuộc nhiều vào lượng hàng tồn kho nguyên vật liệu tích trữ trong vùng giá thấp.



Để kiểm soát rủi ro liên quan đến giá nguyên vật liệu, DNP Corp thường xuyên theo dõi, cập nhật giá cả trên thị trường, làm việc với các nhà cung cấp để đảm bảo có được mức giá tốt, có phương án mua và tích trữ nguyên vật liệu đầu vào; cũng như nâng cao tinh thần tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và có các biện pháp cải tiến quy trình sản xuất. Trong dài hạn, DNP Corp dịch chuyển sang các sản phẩm có giá trị tăng cao, giảm sự phụ thuộc vào các nguyên vật liệu như sản phẩm gia dụng chất lượng cao, cạnh tranh về mẫu mã, tiện ích, chất lượng dịch vụ khách hàng.

3.2. Rủi ro cạnh tranh trong ngành

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 3.300 doanh nghiệp ngành nhựa đang hoạt động, với quy mô doanh thu khoảng 15 tỷ USD, trong đó hơn 80% là doanh nghiệp nội địa và không nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn. Cùng với sự hội nhập nền kinh tế toàn cầu và các Hiệp định thương mại như EVFTA... có hiệu lực, thị trường nhựa trong nước đã xuất hiện những tên tuổi nước ngoài, bên cạnh các thương hiệu quốc tế đầu tư xây dựng nhà máy tại Việt Nam, còn có các tập đoàn lớn mua cổ phần của các doanh nghiệp nội địa như Nhựa Bình Minh, Nhựa Duy Tân... có tiềm lực tài chính và năng lực sản xuất, quản trị mạnh. Với việc hầu hết các doanh nghiệp đã kết thúc hoạt động đầu tư vào năm 2019, công suất vượt 1,8 – 2 lần nhu cầu toàn thị trường, cạnh tranh ngành nhựa đang rất gay gắt, thị trường bắt đầu phân hóa theo quy mô và năng lực hoạt động.

Để có thể đứng vững và phát triển trong bối cảnh cạnh tranh tăng cao cả về số lượng và yêu cầu, các đơn vị đã chủ động chuyển đổi mô hình kinh doanh và cơ cấu sản phẩm theo hướng bền vững hơn, cải thiện hiệu quả hoạt động trên các lĩnh vực phát triển sản phẩm, thương hiệu, sản xuất và quản trị tài chính, vận hành.

3.3. Rủi ro suy giảm nguồn nước

Đây là rủi ro lớn nhất trong ngành nước, vì dưới tác động của ô nhiễm nguồn nước và biến đổi khí hậu, các nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất đang bị sức ép suy giảm lớn cả về chất lượng và khối lượng. Báo cáo của Cục Quản lý Tài nguyên nước đầu 2020 đã chỉ ra rằng, chất lượng nước mặt ở thượng nguồn các lưu vực sông của Việt Nam còn tương đối tốt. Tuy vậy, ô nhiễm và suy thoái chất lượng nước tiếp tục xảy ra ở nhiều đoạn, tập trung ở vùng trung lưu và hạ lưu. Đặc biệt là các đoạn sông chảy qua ở khu vực đô thị, khu công nghiệp và làng nghề, nhiều nơi ô nhiễm tới mức quan trọng như lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy, lưu vực sông Cầu, lưu vực sông Đồng Nai... trong bối cảnh tỷ lệ nước thải được xử lý còn khá thấp. Theo UNICEF, tình trạng ô nhiễm nguồn nước ở Việt Nam đang đứng top 5 thế giới, chỉ sau Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Thái Lan.

Xâm nhập mặn ngày càng gia tăng ở các cửa sông tại vùng Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Duyên hải miền Trung làm cho chất lượng nguồn nước ngọt ở những nơi này suy giảm mạnh. Tác động của biến đổi khí hậu đã và đang gây nên hạn hán, lũ lụt, bão, nước biển dâng



ngày càng gia tăng về cường độ và rất khó lường và đều tác động đến tài nguyên nước. Nước biển dâng, xâm nhập mặn làm cho nguồn cung cấp nước bị nhiễm mặn. Tác động do bão, lũ nên các vùng trũng thấp bị ngập lụt gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm. Hạn mặn dẫn đến cạn kiệt nguồn nước và ô nhiễm nước sông, suối, kênh, rạch như ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Từ các rủi ro trên, các công trình cấp nước và cơ sở hạ tầng phải đối diện với rủi ro về thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu và ô nhiễm nguồn nước gây ra. Chất lượng nước thô xấu làm tăng chi phí xử lý nước và đòi hỏi công nghệ xử lý hiện đại hơn. Suất đầu tư nhà máy, công trình cấp nước có thể cao hơn tại các vùng cấp nước an toàn do yêu cầu kéo ống dài hơn, đầu tư thêm về giải pháp... Khi giá trị đầu tư cho các công trình cấp nước còn cao và mất thời gian để hoàn vốn, trong khi giá nước được quyết định bởi chính quyền địa phương, rủi ro trữ lượng và chất lượng nguồn nước suy giảm, ảnh hưởng đến hiệu quả và hoạt động liên tục của các nhà máy nước là rất lớn.

Ứng phó với các rủi ro suy giảm nguồn nước, DNP Corp luôn thận trọng nghiên cứu kỹ phương án cấp nước an toàn và bền vững trước khi đầu tư các dự án mới hoặc cải tạo nâng công suất hiện hữu, nghiên cứu đầu tư các giải pháp công nghệ hiện đại và đảm bảo quy trình vận hành kiểm soát chất lượng nước đầu ra nghiêm ngặt. Song song với đó, công ty tích cực phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị, tổ chức liên quan vận động nhân dân thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước, và đang nghiên cứu khả năng đầu tư xử lý nước thải trong dài hạn.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành của đơn vị tư vấn nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được mua hết, ảnh hưởng đến kế hoạch bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DNP.

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện phương án bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT ủy quyền cho HĐQT phân phối số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện nhằm mang lại hiệu quả nhất cho Công ty.

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện mua hết số cổ phần chào bán, Hội đồng quản trị sẽ xem xét chào bán cho các đối tượng khác nhưng vẫn đảm bảo giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán



Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty, tạo nên lợi thế cạnh tranh và góp phần mang lại giá trị kinh tế đóng góp sự phát triển lâu dài của Công ty. Vì vậy, yếu tố rủi ro đến từ việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán được đánh giá là không đáng kể.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của DNP Corp cũng tăng lên tương ứng.

Tổng số cổ phần (cổ phần)	(1)	109.154.493
Cổ phiếu quỹ (cổ phần)	(2)	8.810
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phần)	(3) = (1) – (2)	109.145.683
Số lượng cổ phần chào bán	(4)	
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu (10:1)		10.914.568
- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu		20.698 đồng/cổ phần
Tỷ lệ pha loãng (%)	(5)	10,0%%
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán (cổ phần)	(6) = (3) + (4)	120.060.251

Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết. Vì vậy, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

5.1. Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)

Dự kiến mức độ pha loãng EPS sau phát hành cho cổ đông hiện hữu của DNP Corp năm 2021 như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 (dự kiến).	Đồng	20.000.000.000
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát hành.	cổ phần	109.145.683
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi phát hành.	cổ phần	120.060.251
4	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) khi chưa phát hành.	Đồng	183
5	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) khi hoàn thành đợt phát hành.	Đồng	167

Việc tăng số lượng cổ phiếu từ việc phát hành thêm đã làm cho EPS dự kiến năm 2021



giảm từ 183 đồng/cổ phiếu xuống 167 đồng/cổ phiếu, tương ứng mức giảm 9,09%. Tuy nhiên, việc EPS dự kiến năm 2021 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt phát hành thì hoạt động kinh doanh của DNP Corp trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ tạo được sự tăng trưởng dài hạn EPS trong những năm tiếp theo.

5.2. Đánh giá mức độ pha loãng giá cổ phiếu

Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu đối với phát hành cho cổ đông hiện hữu: Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá bán cổ phiếu thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán. Theo đó, công thức tính như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times P_{R1})}{1 + I}$$

Trong đó:

- P_{tc} : Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền
- PR_{t-1} : Giá tham chiếu trước điều chỉnh
- P_{R1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
- I : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu

Ví dụ:

Giả sử giá của cổ phiếu DNP Corp vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là **25.000 đồng/cổ phiếu** (PR_{t-1}). Tổng số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là **10.914.568** cổ phiếu.

Như vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của DNP Corp sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P_{tc} = \frac{25.000 + (0,1 \times 20.698)}{1 + 0,1} = \frac{27.609,8}{1,1} = 24.609 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong trường hợp giá chào bán cho cổ đông hiện hữu cao hơn giá tham chiếu của cổ phiếu DNP ngay trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 20.698 VND/cổ phiếu, giá định giá tham chiếu là: 20.000 VND/cổ phiếu) thì không thực hiện điều chỉnh kỹ thuật thị giá cổ phiếu theo quy định tại quy chế giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5.3. Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Do việc phát hành được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện



hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trong trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền có thể làm giảm tỷ lệ sở hữu, giảm tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Đối với bất kỳ công ty nào thì việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông và các nhà đầu tư khác.

Đối với DNP Corp, dự kiến sau khi phát hành quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 10,0%. Việc tăng quy mô có thể kéo theo những khó khăn, rủi ro về mặt quản trị Công ty cũng như quản lý, sử dụng nguồn vốn, nhân lực sao cho hiệu quả nhất.

Để khắc phục rủi ro về quản trị như trên, DNP Corp luôn hoàn thiện các quy chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ Cổ đông, làm cầu nối giữa cổ đông và Công ty.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên thì rủi ro về môi trường cũng là yếu tố mà mỗi doanh nghiệp cần quan tâm. Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề này DNP Corp luôn có những kế hoạch cụ thể để giảm sự ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra, còn một số nhân tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của DNP Corp. Vì vậy, DNP Corp thường xuyên đánh giá nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của DNP Corp.



III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

- Cổ đông** : Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- Điều lệ** : Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai thông qua.
- Vốn điều lệ** : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- Cổ phần** : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu** : Chứng chỉ do Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai
- Người có liên quan** : Được hiểu như tại Quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật khác có liên quan.


Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- DNP Corp/Công ty** : Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- BKS** : Ban Kiểm soát.
- ĐHĐCĐ** : Đại hội đồng Cổ đông.
- HĐQT** : Hội đồng Quản trị.
- CTCP** : Công ty Cổ phần.
- VSD** : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- ĐVT** : Đơn vị tính.
- HKD** : Hoạt động kinh doanh.
- SXKD** : Sản xuất kinh doanh.
- KHKD** : Kế hoạch kinh doanh.
- LNTT** : Lợi nhuận trước thuế.



AGRISECO	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank.
BCTC	: Báo cáo tài chính.
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
VNĐ	: Đơn vị tiền tệ của Việt Nam.
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên.
CMND	: Chứng minh nhân dân.
CP	: Cổ phần.
BDS	: Bất động sản.
TSCĐ	: Tài sản cố định.
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội.
CNTT	: Công nghệ thông tin.
PR	: Quan hệ công chúng.
GD	: Giám đốc.
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký \doanh nghiệp.
Tp.	: Thành phố.
QLDN	: Quản lý doanh nghiệp.

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH****1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành****1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức phát hành**

Tên đầy đủ	: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.
Tên giao dịch quốc tế	: DONGNAI PLASTIC JOINT STOCK COMPANY.
Tên viết tắt	: DONAPLAST.
Trụ sở chính	: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại	: 0251 3836174. Fax: 0251 3836174.
Website	: www.dnpcorp.com.vn
Logo	: 
Vốn điều lệ đăng ký	: 1.091.544.930.000 đồng (Một nghìn không trăm chín mươi một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).
Giấy CNĐKDN	: Số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2014, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 01/12/2020.
Mã số thuế	: 3600662561.
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Nguyễn Văn Hiếu Chức danh: Tổng Giám đốc.
Mã cổ phiếu	: DNP
Sàn niêm yết	: HNX

1.2. Ngành nghề kinh doanh:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
2220 (chính)	Sản xuất sản phẩm từ plastic. <i>Chi tiết: Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa</i>
1410	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). <i>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu</i>
1811	In ấn (Trừ in- tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi-dệt-may-đan).
1812	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ in- tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi-dệt-may-đan).



Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
2029	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất diêm quẹt</i>
2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới</i>
4101	<i>Xây dựng nhà để ở</i> <i>Chi tiết: Xây dựng nhà lắp ghép</i>
4102	Xây dựng nhà không để ở <i>Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng</i>
4212	Xây dựng công trình đường bộ <i>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông</i>
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước <i>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi</i>
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. <i>Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp</i>
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4321	Lắp đặt hệ thống điện. <i>Chi tiết: Xây dựng công trình điện</i>
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí. <i>Chi tiết: xây dựng công trình nước, cấp thoát nước</i>
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp</i>
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường bộ</i>
5310	Bưu chính. <i>Chi tiết: Đại lý bưu điện</i>



Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
7110	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Thiết kế kiến trúc các công trình dân dụng, công nghiệp. - Thiết kế công trình giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật (xử lý nước thải, rác thải, hệ thống tưới tiêu...)
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 1976: Thành lập với mô hình công ty Nhà nước.
- Năm 1996: Bắt đầu sản xuất ống nhựa uPVC.
- Năm 1998: Bắt đầu sản xuất ống nhựa HDPE.
- Năm 2004: Cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Năm 2005: Đầu tư nhà máy sản xuất bao bì mềm xuất khẩu.
- Năm 2006: Niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) – mã chứng khoán DNP.
- Năm 2007: Xây dựng nhà máy sản xuất nhựa thứ 2 đặt tại Quảng Nam.
- Năm 2008: Là nhà sản xuất đầu tiên tại Việt Nam đầu tư sản xuất ống HDPE 1.000mm.
- Năm 2010: Nâng công suất nhà máy ống nhựa lên 3.000 tấn/tháng.
- Năm 2012: Tái cấu trúc toàn diện theo mô hình DNP, thay đổi HĐQT và Ban điều hành.
- Năm 2014: Trở thành nhà sản xuất và cung cấp ống nhựa hạ tầng số 1 Việt Nam.
- Năm 2015:
 - + Đầu tư sở hữu nhà máy nước Bình Hiệp công suất 50.000 m³/ngày đêm;
 - + Tăng vốn điều lệ lên 134 tỷ đồng.
- Năm 2016:
 - + Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng;
 - + Đầu tư sở hữu Nhựa Tân Phú;
 - + Đầu tư sở hữu nhà máy nước Đồng Tâm công suất 90.000 m³/ngày đêm.
- Năm 2017:
 - + Thành lập DNP Water với vốn điều lệ 1.100 tỷ đồng;



- + Trở thành công ty tư nhân đầu tiên trong ngành nước ở Việt Nam được IFC cam kết đầu tư 24,9 triệu USD;
- + Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.
- Năm 2018:
 - + Xây dựng nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang, hoàn thành giai đoạn 1 công suất 30.000 m³/ngày đêm;
 - + Quy mô ngành nước tăng mạnh, tổng công suất thiết kế đạt 1.000.000 m³/ngày đêm;
 - + Tăng vốn điều lệ của DNP lên 1.000 tỷ đồng, DNP Water lên 1.780 tỷ đồng;
 - + Chính thức ra mắt thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI.
- Năm 2019:
 - + Huy động thành công vốn lên tới 20 triệu USD từ trái phiếu chuyên đổi với Olympus Capital Asia;
 - + Nhà máy nước sạch Nhị Thành ở Long An hoàn thành giai đoạn 1 công suất 30.000 m³/ngày đêm;
 - + Ra mắt DNP Hawaco – công ty liên doanh giữa 2 thương hiệu hàng đầu lĩnh vực vật tư ngành nước tại Việt Nam.
- Năm 2020:
 - + Tăng vốn điều lệ DNP lên 1.091 tỷ đồng, DNP Water lên 1.980 tỷ đồng;
 - + Thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI có trên 300 sản phẩm, có mặt ở tất cả các chuỗi siêu thị lớn ở Việt Nam Vinmart, Mega, Big C,... và mở trên 20 shop INOCHI tại các tỉnh thành cả nước;
 - + Nhựa Đồng Nai đưa vào hoạt động nhà máy bao bì số 5 sản xuất các loại túi thực phẩm cao cấp với công suất 120 tấn/tháng.
- Năm 2021:
 - + Ngày 25/3/2021, DNP Corp trở thành cổ đông lớn sở hữu 51,14% CTCP CMC – một công ty sản xuất gạch ốp lát lớn nhất Việt Nam, trở thành nhà cung cấp số 1 Việt Nam về quy mô và sự đa dạng của vật liệu khâu hoàn thiện các công trình (giải pháp và thiết bị điện, thoát nước, bơm, van, gạch ốp lát...);
 - + Tháng 4/2021, CTCP Nhựa Tân Phú đổi tên thành CTCP Tân Phú Việt Nam.

2.2. Tầm nhìn, sứ mệnh và Giá trị cốt lõi:

❖ Tầm nhìn

Trở thành công ty Việt Nam tầm cỡ quốc tế với sức cạnh tranh vượt trội tại các lĩnh vực chính là nước sạch và môi trường, vật liệu xây dựng, bao bì và sản phẩm gia dụng.



TẦM NHÌN 2025

NƯỚC SẠCH & MÔI TRƯỜNG

SỐ TỶ NGHỆ NƯỚC SẠCH
Đạt tổng nước 2.000.000
m³/ngày đêm vào năm 2025

SẢN PHẨM GIA DỤNG

TIÊN PHONG CUNG CẤP
SẢN PHẨM CAO CẤP

BAO BÌ

TOP 3 VIỆT NAM

VẬT LIỆU XÂY DỰNG

SỞI VIỆT NAM

ĐIỀU KIỆN PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG VÀ CHỖ
KINH DOANH TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG MỚI

❖ Sứ mệnh

- Đối với ngành nước:
 - “Chúng tôi cam kết đầu tư lâu dài cho ngành nước bằng tất cả nguồn lực với niềm đam mê cao nhất, tiên phong ứng dụng công nghệ cao, tạo dựng giải pháp đột phá trong mô hình cấp nước sạch cho mọi người dân Việt Nam”
- Đối với ngành nhựa, phụ kiện, vật liệu xây dựng, bao bì và sản phẩm gia dụng:
 - Phát huy nội lực hiện tại, hợp tác đầu tư nhằm nâng cao năng lực và sức cạnh tranh, tạo ra sản phẩm nguồn gốc Việt, giá cả Việt và chất lượng quốc tế.
 - Tiên phong cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp và tiện dụng cho người tiêu dùng Việt Nam.

❖ Giá trị cốt lõi

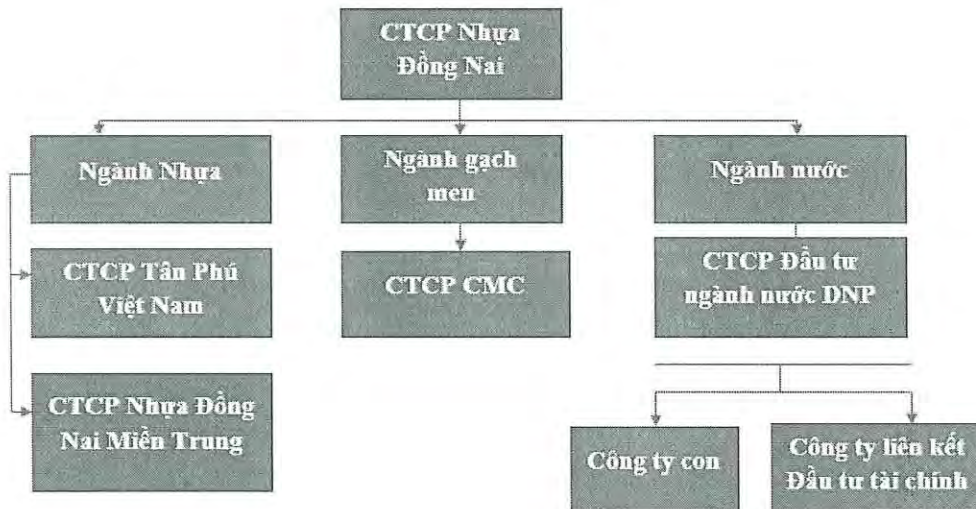


GIÁ TRỊ CỐT LÕI



3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức



Nguồn: DNP Corp

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Giấy CNĐKKD số: 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2014, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 01/12/2020.

DNP hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (investment holding), theo đó DNP là công

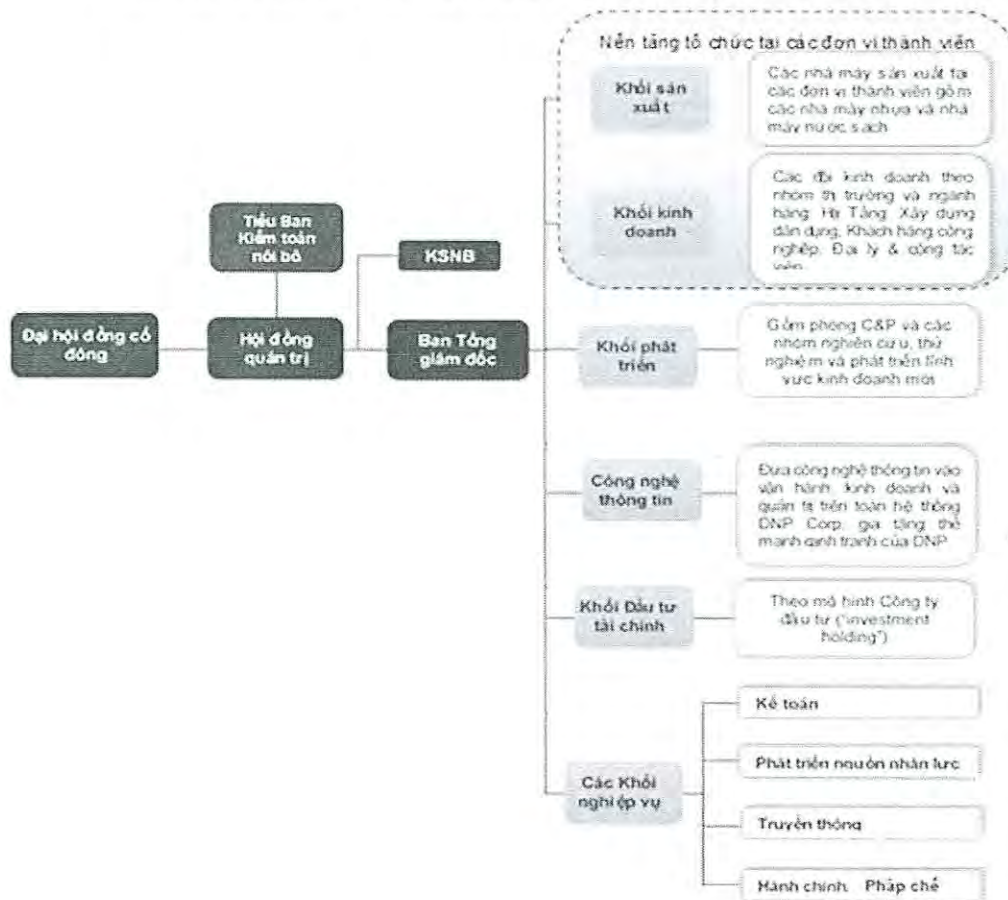


ty holding thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy nước mới và hoạt động M&A (mua bán - sáp nhập) và (iv) thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực và các nguồn lực phát triển chung như công nghệ thông tin (IT), khối ngân hàng đầu tư (IB), nghiên cứu & phát triển (C&P).

Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP.

4. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 2: Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: DNP Corp

❖ **Đại hội đồng Cổ đông:**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT của Công ty.

❖ **Hội đồng Quản trị:**



Do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban khác.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai hiện có 07 thành viên bao gồm: 01 Chủ tịch, và 06 thành viên.

Bảng 1: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Vũ Đình Độ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2.	Ngô Đức Vũ	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị.
3.	Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên Hội đồng Quản trị.
4.	Hồ Anh Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị.
5.	Lê Văn Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
6.	Akhil Jain	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
7.	Phan Thùy Giang	Thành Viên Hội đồng Quản trị

Nguồn: DNP Corp

❖ Tiểu Ban kiểm toán nội bộ:

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ được thành lập để hỗ trợ hoạt động giám sát, quản trị và các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty như:

- Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập
- Đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập hoặc danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty để trình ĐHĐCĐ chấp thuận;
- Đề xuất các chính sách kế toán phù hợp để áp dụng tại Công ty;
- Giám sát mối quan hệ của Công ty với đơn vị kiểm toán độc lập;
- Giám sát và báo cáo HĐQT về các xung đột lợi ích tiềm ẩn của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Cổ đông;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân quyền của Hội đồng quản trị.

Bảng 2: Danh sách Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Lê Văn Minh	Trưởng Tiểu Ban.
2.	Hồ Anh Dũng	Thành viên.



Stt	Họ và tên	Chức vụ
3.	Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên.

Nguồn: DNP Corp

❖ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 05 (năm) người gồm: 01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được Tổng Giám đốc phân công.

Bảng 3: Thành viên Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc.
2.	Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc.
3.	Trần Hữu Chuyên	Phó Tổng Giám đốc.
4.	Trịnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc.
5.	Nguyễn Hồng Chương	Phó Tổng Giám đốc.

Nguồn: DNP Corp

❖ **Phòng kiểm soát nội bộ:**

Chức năng, nhiệm vụ của Phòng kiểm soát nội bộ bao gồm nhưng không hạn chế những nhiệm vụ sau:

- Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ;
- Lập và triển khai kế hoạch kiểm soát nội bộ Công ty;
- Thực hiện chương trình kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện và ngăn chặn các sai sót trong các hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và các công ty thành viên;
- Kiểm tra sự tuân thủ đúng quy chế, chính sách, thủ tục, quy trình, quy định của các hoạt động trong các phòng ban tại Công ty và các công ty thành viên, chi nhánh trực thuộc;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm soát nội bộ mảng tài chính của Công ty theo quy



định;

- Kiểm tra việc tuân thủ các chính sách và quy trình kế toán cũng như việc đánh giá tính chính xác của báo cáo tài chính và báo cáo quản trị;
- Soát xét báo cáo tài chính định kỳ của Công ty và các đơn vị thành viên;
- Kiểm soát chi phí và các hoạt động đầu tư tại Công ty mẹ và các công ty thành viên, các chi nhánh trực thuộc;
- Báo cáo (bằng văn bản) cho Chủ tịch HĐQT về các kết quả kiểm toán nội bộ;
- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về báo cáo, kết luận kiểm soát, tổng hợp phản hồi kiểm soát theo quy định.

❖ **Khối sản xuất:**

Chịu trách nhiệm sản xuất ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu kế hoạch của Công ty. Công ty hiện có 5 nhà máy sản xuất lĩnh vực nhựa trang bị đầy đủ dây chuyền sản xuất và máy móc thiết bị công nghệ cao cho các sản phẩm nhựa và phụ kiện và 2 nhà máy sản xuất gạch ngói. Ngoài ra công ty thành viên DNP Water có các nhà máy nước áp dụng các công nghệ xử lý nước tiên tiến trên thế giới và hệ thống quản lý, giám sát và thu thập dữ liệu tự động.

❖ **Khối kinh doanh:**

- **Chức năng:** Xây dựng, quản lý và phát triển hoạt động bán hàng, marketing của Công ty
- **Nhiệm vụ:**
 - ✓ Tổ chức tiêu thụ các sản phẩm của Công ty, đặc biệt là các loại sản phẩm mới trên phạm vi các tỉnh mà phòng phụ trách; giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ, đạt chỉ tiêu doanh thu định mức đối với các sản phẩm mới.
 - ✓ Phản ánh tình hình thị trường, các mặt hàng và đối thủ cạnh tranh, kiến nghị cải tiến sản xuất - kinh doanh nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty.
 - ✓ Nghiên cứu đề xuất các biện pháp đạt kế hoạch doanh thu của các loại sản phẩm của Công ty trong từng giai đoạn.
 - ✓ Xây dựng và quản lý chính sách bán hàng.
 - ✓ Thiết lập chiến lược bán hàng và chính sách Marketing của Công ty; quản trị hệ thống kênh phân phối sản phẩm; quản lý, giám sát hoạt động Marketing.



- ✓ Xây dựng các chương trình nghiên cứu - phát triển và chỉ đạo thực hiện các chương trình nghiên cứu và phát triển, huấn luyện, đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong hoạt động kinh doanh.

❖ **Khối phát triển:**

- **Chức năng:** Nghiên cứu, phát triển hệ thống sản phẩm đối với cả các lĩnh vực sản xuất của Công ty và nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm trong lĩnh vực kinh doanh mới.
- **Nhiệm vụ:**
 - ✓ Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm hiện có của Công ty
 - ✓ Tổ chức các hoạt động Phát triển sản phẩm (bao gồm xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch triển khai, mô hình hóa, thiết kế và thử nghiệm) cho các sản phẩm.
 - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ tham mưu kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động sản xuất, công nghệ.

❖ **Khối Công nghệ Thông tin:**

- **Chức năng:** Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về công tác quản lý và phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh. Thực hiện công tác quản lý, đảm bảo hoạt động và phát triển ứng dụng CNTT trong quản lý, sản xuất và nghiên cứu phát triển của Công ty theo sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.
- **Nhiệm vụ:**
 - ✓ Lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động CNTT, ứng dụng CNTT theo phê duyệt của Ban điều hành Công ty
 - ✓ Tư vấn xây dựng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật khi đầu tư thiết bị liên quan đến công nghệ thông tin.
 - ✓ Thực hiện việc thu thập, lưu trữ, xử lý và đảm bảo an toàn thông tin của toàn Công ty
 - ✓ Quản lý, đảm bảo cơ sở hạ tầng về kỹ thuật công nghệ thông tin cho các hoạt động quản lý, sản xuất, điều hành Công ty
 - ✓ Tham gia các hoạt động, nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty.

❖ **Khối đầu tư tài chính:**



- **Chức năng:** Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: nghiên cứu và đề xuất các dự án đầu tư đúng theo ngành mục tiêu của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu của thị trường để thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Nhiệm vụ:**
 - ✓ Nghiên cứu ngành nghề, lĩnh vực Công ty dự kiến đầu tư.
 - ✓ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tìm kiếm, khai thác các cơ hội đầu tư theo định hướng của Ban lãnh đạo trong từng giai đoạn cụ thể và trình Ban lãnh đạo phê duyệt.
 - ✓ Nghiên cứu, đề xuất, lựa chọn đối tác đầu tư liên doanh, liên kết.
 - ✓ Theo dõi, quản lý các hạng mục Công ty đã tiến hành đầu tư.
 - ✓ Quản lý, kiểm soát tài chính của Công ty.
 - ✓ Báo cáo Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên để kịp thời đưa ra phương án xử lý khi cần thiết.

✦ **Khối nghiệp vụ:**

Khối nghiệp vụ của Công ty bao gồm các phòng nghiệp vụ: (i) Kế toán; (ii) Phát triển nguồn nhân lực; (iii) Truyền thông; (iv) Hành chính- Pháp chế. Khối nghiệp vụ thực hiện các hoạt động theo nghiệp vụ của các phòng ban đảm bảo hoạt động của Công ty được thông suốt.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách công ty mẹ

Không có

5.2. Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với DNP Corp

Không có

5.3. Danh sách công ty do DNP Corp nắm giữ cổ phần chi phối

5.3.1 Các Công ty con sở hữu trực tiếp

Tên công ty	Năm thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2021
Công ty Cổ phần Nhựa	2006	4000434893	Lô 06, KCN Điện	Sản xuất và kinh	99,33%	99,33%



Tên công ty	Năm thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2021
Đồng Nai Miền Trung			Nam, Điện Ngọc, Quảng Nam	doanh ổng nước		
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	1977	0303640880	314 Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú, TP.HCM	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	51,01%	51,01%
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	2017	2400813885	Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Đầu tư vào các Công ty nước sạch	68,24%	68,24%
Công ty cổ phần CMC	2006	2600106523	Lô B10-B11, KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	51,14%	51,14%

5.3.2 Các Công ty con sở hữu gián tiếp

Tên công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2021
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang	2016	2400799373	Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	99,997%	68,24%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	1976	1101806214	Áp 7, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	86,40%	58,96%
Công ty Cổ	2016	0106973513	Số 8C, đường	Sản xuất	86.36%	58,94%



Tên công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2021
phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội			Đình Công Tráng, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	và kinh doanh nước sạch		
Công ty cổ phần Bình Hiệp	2005	3400411352	A6-A7 KDC Kênh Bàu, P.Xuân An, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	89,38%	55,57%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	1998	3400164953	Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, P.Phú Trinh, TP.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	57,26%	39,07%
Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	2007	1200648505	Áp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	52,68%	35,95%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	1998	3900243762	489 đường 30/4, khu phố 1, phường 1, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	59,47%	38,26%
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Châu Thành	2002	1100508832	44/6D, khu phố 3, thị trấn Tâm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch Dịch vụ công ích	96,06%	65,56%



Tên công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2021
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang		1201522142	Ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	99,966%	68,22%
Công ty cổ phần Đầu tư nước Bình An	2016	3401135916	M5, Tôn Đức Thắng, P. Phù Thủy, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	99,93%	52,23%
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	2019	0108859703	Số 25, phố Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	50,00%	49,67%
Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	2020		27 Lê Trung Nghĩa, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	80,00%	39,73%
Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện	2020	0316388195	Tầng 18, Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	80,00%	39,73%
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	2010	1801116600	336C Cách Mạng Tháng Tám, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	48,86%	28,80%



Tên công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2021
Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	2001	4200442852	198 Đường 16/7, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,51%	35,15%
Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	2018	4201807136	243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	100%	35,15%
Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	2015	4201667094	198 Đường 16/7, Tổ dân phố 18, Phường Ninh Hiệp, TX Ninh Hòa, tỉnh Ninh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	100%	35,15%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	2001	3800228182	Phường Tân Phú, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	84,19%	57,45%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình		3101091785	Số 81 Lý Thường Kiệt, P.Đồng Hải, TP.Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	100%	68,24%
Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	2016	0107353671	Số 7, hẻm 194/70/4 Đội Cấn, P.Đội Cấn, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70,00%	34,76%
Công ty TNHH Đầu	2021	2601064731	Lô B10-B11 KCN Thụy	Hoạt động dịch vụ, tài	100,00%	51,13%



Tên công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2021
tư và Phát triển CVT			Vân, Xã Thụy Vân, Tp. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	chính		

5.3.3 Các Công ty liên kết

Tên công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2021
Công ty CP Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh	2018	4201803822	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	2007	1100101500	250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An, tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	37,15%	25,35%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	2004	1100101500	2A, đường Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	47,61%	32,49%
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	1992	2000101918	Số 204 Quang Trung, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	24,27%	16,56%
Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	2009	3400722735	Số 137 Lê Hồng Phong, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh	25,01%	9,77%



Tên công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/09/2021
			Thuận	nước sạch		
Công ty Cổ phần Nước và môi trường Đông Hải	2009	3400753081	Số 137 Lê Hồng Phong, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,00%	9,77%
Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	1992	3100130287	81 Lý Thường Kiệt, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,00%	17,06%
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa	1998	1100175414	Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, Dịch vụ công ích	48,25%	32,93%
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào (*)	2010		Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	22,15%

(*) Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào là Công ty liên kết của Công ty CP Tân Phú Việt Nam – Công ty con của Công ty. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ 31/12/2016.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

6.1. Quá trình tăng vốn

Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành (CP)	Vốn điều lệ	Phương thức	Cơ quan chấp thuận
Thành lập 02/01/2004	300.000	3.000.000.000	Vốn điều lệ ban đầu là 3 tỷ đồng theo Giấy CNĐKKD số 4703000083 ngày 02/01/2004.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai
Lần 1	300.000	6.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 1:1	UBCK NN, ĐHĐCĐ



Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành (CP)	Vốn điều lệ	Phương thức	Cơ quan chấp thuận
Năm 2005				
Lần 2 6/2006	700.000	13.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thương theo tỷ lệ 6:7	UBCK NN, ĐHĐCĐ
Lần 3 10/2006	13.000.000	20.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho CBCNV và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư bên ngoài	UBCK NN, ĐHĐCĐ
Lần 4 năm 2008	20.000.000	34.427.370.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	UBCK NN, ĐHĐCĐ
Lần 5 10/2014	34.427.370	67.865.830.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%, phát hành cổ phiếu thương với tỷ lệ 98%	UBCK NN, ĐHĐCĐ
Lần 6 11/2015	67.865.830	135.071.410.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 16%, chào bán riêng lẻ 5.635.000 cổ phiếu	UBCK NN, ĐHĐCĐ
Lần 7 8/2016	13.506.583	270.137.240.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 22%, thưởng cổ phiếu với tỷ lệ 18%, chào bán ra công chúng 8.104.278 cổ phiếu	UBCK NN, ĐHĐCĐ
Lần 8	2.991.900	300.056.240.000	Chào bán riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên và cho đối tác, nhà đầu tư tài chính của Công ty	UBCK NN, ĐHĐCĐ
Lần 9 Năm 2017	20.003.648	500.092.720.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%, phát hành 400.000 cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty, chào bán cho người lao động trong công ty 100.000 cổ phần, chào bán ra công chúng 12.002.245 cổ phiếu	UBCK NN, ĐHĐCĐ
Lần 10 Năm 2018	37.999.263	880.085.350.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 6.499.263 cổ phiếu Chào bán ra công chúng 21.500.000 cổ phiếu Phát hành riêng lẻ cho NĐT 10.000.000 cổ phiếu	UBCK NN, ĐHĐCĐ
Lần 11 Năm 2018	12.000.000	1.000.085.350.000	Phát hành riêng lẻ cho NĐT 10.000.000 cổ phiếu Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2.000.000 cổ phiếu	UBCK NN, ĐHĐCĐ



Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành (CP)	Vốn điều lệ	Phương thức	Cơ quan chấp thuận
Lần 12 Năm 2020	9.145.958	1.091.544.930.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	UBCK NN, ĐHĐCĐ

Nguồn: DNP Corp

6.2. Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

(1) Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán lần 11 năm 2018: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành cổ phiếu trong năm 2018 của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai phù hợp với các nguyên tắc được chấp nhận chung tại Việt nam về việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu ra công chúng”.

(2) Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán lần 12 năm 2020:

Theo báo cáo số 20-21-029-01 ngày 22/06/2021 của Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam), Ý kiến của kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng trong năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.”

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

7.1. Khoản góp vốn có giá trị từ 10% trở lên tổng tài sản ghi trong BCTC của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

- Tên cổ phiếu được mua: Cổ phiếu Công ty cổ phần CMC.
- Tổng số cổ phiếu mua: 18.761.964 cổ phiếu.
- Phương thức giao dịch: Thỏa thuận.
- Tổng giá trị mua: 1.013.146.056.000 đồng, chiếm 23,16% tổng tài sản tại ngày 30/06/2021 (theo BCTC riêng lẻ giữa niên độ năm 2021 được soát xét).
- Thời gian hoàn thành: 18/04/2021.
- Tỷ lệ sở hữu: 51,14%.

7.2. Khoản thoái vốn có giá trị từ 10% trở lên tổng tài sản ghi trong BCTC gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện

Không có.

**8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành****8.1. Cổ phiếu phổ thông****Bảng 4: Cơ cấu Cổ đông của Công ty**

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	694	108.868.863	99,74%
1	Tổ chức	20	36.130.881	33,19%
2	Cá nhân	674	72.737.982	66,81%
II	Cổ đông nước ngoài	36	276.820	0,25%
1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	4	80.325	0,07%
2	Cá nhân	32	196.495	0,18%
III	Cổ phiếu quỹ	1	8.810	0,01%
	Tổng cộng	731	109.154.493	100%

Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách Cổ đông của DNP chốt ngày 16/06/2021

8.2. Cổ phiếu ưu đãi:

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Chi tiết các hợp đồng trái phiếu của DNP như sau:

Stt	Trái chủ	Kỳ hạn	Thời gian đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất	Giá trị phát hành (triệu VNĐ)	Tài sản đảm bảo
1.	AEP II HOLDINGS PTE. LTD (*)	5 năm	2023	Trái phiếu chuyển đổi	5%/năm	456.700	Không có
2.	Ngân hàng TMCP Quân đội – CNĐông Nai	5 năm	2025	Trái phiếu thường	9,5%/năm	300.000	Không có
Tổng cộng						756.700	

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2020

(*) Thông tin về trái phiếu chuyển đổi:

- Tỷ lệ chuyển đổi bằng giá trị trái phiếu có thể chuyển đổi chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi;



- Giá chuyển đổi dự kiến là 20.698 VNĐ cho mỗi cổ phiếu, giá chuyển đổi có thể điều chỉnh trong các trường hợp điều chỉnh giá;
- Trái phiếu có thể được thanh toán hoặc chuyển đổi vào ngày đáo hạn đầu tiên và/hoặc ngày đáo hạn cuối cùng;
- Ngày đáo hạn đầu tiên là ngày 28 tháng 12 năm 2022, ngày đáo hạn cuối cùng là ngày 28 tháng 12 năm 2023, có thể gia hạn 1 năm theo đề nghị của Chủ sở hữu trái phiếu.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại Công ty tuân theo Luật đầu tư nước ngoài năm 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Công ty đã nhận được công văn số 5523/UBCK- PTTT về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Nhựa Đồng Nai ngày 24/09/2021, theo đó tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty là 50%.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có)

Không quy định.

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại

Tại ngày 09/09/2021 theo công bố về sở hữu nhà đầu tư nước ngoài của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 275.220 cổ phiếu, chiếm 0,25% vốn Điều lệ Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai hoạt động với ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nước sạch và môi trường
- Vật liệu xây dựng
- Bao bì
- Sản phẩm gia dụng

a) Sản phẩm của Công ty

Ngành nước

Hiện nay, DNP Corp và đơn vị thành viên đang sở hữu trực tiếp, gián tiếp cổ phần tại



công ty con, công ty liên kết, đối tác chiến lược vận hành các nhà máy sản xuất nước sạch với tổng công suất lên tới 1.000.000 m³/ngày đêm, cung cấp nước sạch cho người sử dụng tại 12 tỉnh thành trên cả nước, phục vụ khu vực thị trường có tới 10 triệu người.

Năm 2019, DNP Water (công ty con của DNP Corp) đã đầu tư và nâng số lượng công ty thành viên và liên kết lên 16 với tổng công suất cấp nước đạt 1.000.000 m³/ngày đêm. Các đơn vị thành viên mới của công ty như CTCP Đầu tư nước Bình An, Nhà máy nước DNP Nhị Thành là những đơn vị sản xuất và có mạng lưới bán buôn nước sạch tại các đô thị lớn/địa bàn có nhu cầu và tiềm năng tăng trưởng cao về kinh tế, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, phù hợp với các tiêu chí đầu tư chiến lược của DNP Corp trong ngành nước. Sau thành công của dự án DNP Bắc Giang tại Bắc Giang, DNP tiếp tục ghi nhận thực hiện thành công dự án nhà máy nước Nhị Thành do công ty con của DNP Water, DNP Long An, thực hiện. Sau 12 tháng thi công, nhanh nhất so với các công trình cấp nước tương tự, nhà máy đã hoàn thành với suất đầu tư thấp hơn so với các công trình đầu tư công. Nhà máy sử dụng công nghệ hiện đại của Nhật Bản, có quy mô lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay, gồm: Công trình thu 700 m² tại xã Bình Lợi Nhơn, TP Tân An; Nhà máy xử lý nước 3,1 ha ở xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa; Đường ống D630- 900mm với tổng chiều dài 22km và các hạng mục công trình phụ trợ khác. Nhà máy có công suất thiết kế 60.000 m³/ngày đêm, công suất tối ưu đạt 80.000 m³/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế QCVN 01:2009/ BYT. Giai đoạn 1 công suất 30.000 m³/ngày đêm, công suất vận hành tối ưu đạt 40.000 m³/ngày đêm. Hạ tầng công trình thu và đường ống D710 cho phát 80.000 m³/ngày đêm. Giai đoạn 2 xây dựng thêm cụm công suất 30.000 m³/ngày đêm nâng công suất lên 60.000 m³/ngày đêm, có thể mở rộng lên đến 80.000 m³/ngày đêm. Cung cấp nước sạch cho toàn TP Tân An và các huyện Thủ Thừa, Tân Trụ, Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước cùng các khu vực lân cận khác.

Ngành nhựa

Hai đơn vị nhựa của DNP Corp là Nhựa Đồng Nai và Nhựa Tân Phú đã khẳng định vị thế nhờ sở hữu và làm chủ toàn bộ chuỗi công nghệ nhựa từ thổi, đùn đến ép phun. Cùng với thương hiệu lâu năm và kinh nghiệm phát triển thị trường, Nhựa Đồng Nai và Nhựa Tân Phú với 5 nhà máy sản xuất các sản phẩm: ống nhựa hạ tầng, ống nhựa dân dụng, bao bì, nhựa công nghiệp và nhựa gia dụng.



DNP đang là công ty nắm thị phần số một trong lĩnh vực ống nhựa hạ tầng với khoảng 40% thị phần, hiện diện tại 43/63 tỉnh thành. Đối với sản phẩm nhựa công nghiệp, thương hiệu nhựa Tân Phú đang nằm trong top 5, khách hàng là những Tập đoàn, Tổng công ty hàng đầu trên thế giới và trong nước như Cocacola, Vedan, Sabeco, Pinaco, Lavie, Nutifood.... Hiện DNP đang tích cực thực hiện đầu tư phát triển quy mô và năng lực cốt lõi trong các lĩnh vực chiến lược, tăng công suất, phát triển sản phẩm và thị trường mới. Trong ngành nhựa, Công ty hoàn thành dự án đầu tư sản xuất đầy đủ dây sản phẩm và phụ kiện cho thị trường ống nhựa dân dụng, tăng công suất sản xuất bao bì, nhựa công nghiệp và sẵn sàng phát triển các sản phẩm nhựa gia dụng. Đối với Nhựa Tân Phú, Công ty đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng để sản xuất sản phẩm Nhựa gia dụng cao cấp mang thương hiệu INOCHI, các sản phẩm đã bắt đầu ra thị trường và lên kệ các hệ thống siêu thị và kênh phân phối.

Ống nhựa và phụ kiện

Hình 3: Các sản phẩm trong sản xuất ống HDPE và phụ kiện ống HDPE



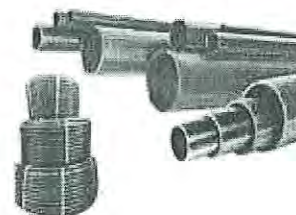
Ống HDPE cấp nước

Được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy cấp nước cung cấp nước sạch đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn về sức khỏe của Bộ Y tế khi sử dụng Ống dẫn nước.



Ống HDPE thoát nước

Được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy xử lý nước thải, tưới tiêu đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn về chất lượng Việt Nam, Quốc tế khi sử dụng Ống dẫn nước.



Ống HDPE điện

Được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy điện, viễn thông tuân thủ tiêu chuẩn về chất lượng Việt Nam, Quốc tế khi sử dụng Ống HDPE bảo vệ cáp điện



Phụ kiện HDPE loại đúc



Phụ kiện HDPE loại hàn



Phụ kiện HDPE loại vặn ren



Hình 4: Các sản phẩm trong sản xuất ống nhựa uPVC (21-400mm) và phụ kiện uPVC của DNP



Ống uPVC cấp nước
(nong gioăng và trơn)

Được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy cấp nước cung cấp nước sạch đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn về sức khỏe của Bộ Y tế khi sử dụng Ống uPVC dẫn nước



Ống uPVC thoát nước
(nong gioăng và trơn)

Được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy xử lý nước thải, tưới tiêu đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn về chất lượng Việt Nam, Quốc tế khi sử dụng Ống uPVC dẫn nước



Ống uPVC điện
(nong gioăng và trơn)

Được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy điện, viễn thông tuân thủ tiêu chuẩn về chất lượng Việt Nam, Quốc tế khi sử dụng Ống uPVC bảo vệ cáp điện



Phụ kiện T



Phụ kiện Tê và Y



Phụ kiện nối

Các sản phẩm ống nhựa uPVC và HDPE của Công ty chủ yếu phục vụ trong lĩnh vực cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường. Với bề dày kinh nghiệm 15 năm, Công ty đã cung cấp ống nhựa cho các dự án trọng điểm quốc gia như: Công trình cấp và thoát nước Lăng Cô TP Huế, Cấp nước bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng, Cấp nước và xử lý vệ sinh môi trường TP Quy Nhơn, Cấp nước và xử lý vệ sinh môi trường TP Nha Trang Khánh Hoà, Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường 9 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long... và nhận được sự tin nhiệm từ các khách hàng lớn.

Hiện nay, tổng năng lực sản xuất của Công ty là 4.000 tấn ống/tháng và 1.000 tấn phụ



kiện nhựa dân dụng/tháng, khả năng sản xuất hơn 400 loại phụ kiện khác nhau với chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu mọi công trình.

Túi nhựa bao bì

Thị trường chủ yếu là xuất khẩu sang Châu Âu. Công ty chủ trương duy trì ổn định cho ngành sản xuất này để tạo được dòng tiền và nguồn thu ngoại tệ tốt cho hoạt động nhập khẩu của Công ty.

DNP chuyên sản xuất và cung ứng bao bì mềm xuất khẩu: Starseal, Sandwich, T-shirt, Block head, C fold, Zipper. Nhà máy của Công ty có công suất 1.500 tấn/ tháng. Sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn xuất khẩu Châu Âu và hiện đang có mặt trên 10 quốc gia Châu Âu như: Đức, Anh, Pháp, Hà Lan, Bỉ.

Hình 5: Một số sản phẩm túi nhựa bao bì



Túi Die Cut



Túi T- shirt loose



Túi T-shirt block



Túi rút dây cuộn liên tục



Túi miệng bằng



Túi có quai

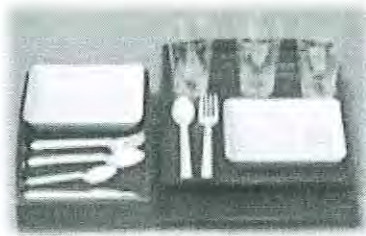
Nhựa công nghiệp

Sau khi chi phối Nhựa Tân Phú, DNP Corp gia tăng các sản phẩm Nhựa công nghiệp với 5 dòng sản phẩm với chất lượng cao, với nguồn nguyên liệu nhựa đạt tiêu chuẩn (FDA, BPA free): (i) Bao bì thực phẩm giải khát, (ii) Bao bì hóa mỹ phẩm, (iii) Bao bì bảo vệ thực vật hóa chất; (iv) Bao bì dược phẩm, (v) sản phẩm nhựa công nghiệp và gia dụng. Với công suất 2.000 tấn/tháng, thương hiệu nhựa Tân Phú chiếm thị phần top 5 mảng nhựa công



nghiệp. Khách hàng là những Tập đoàn, Tổng công ty hàng đầu trên thế giới và trong nước như Cocacola, Vedan, Sabeco, Pinaco, Lavie, Nutifood...

Hình 6: Một số sản phẩm nhựa công nghiệp từ TPP



Bao bì thực phẩm giải khát



Bao bì hóa mỹ phẩm



Bao bì dược phẩm



Bao bì bảo vệ thực vật hóa chất



Nhựa công nghiệp & gia dụng

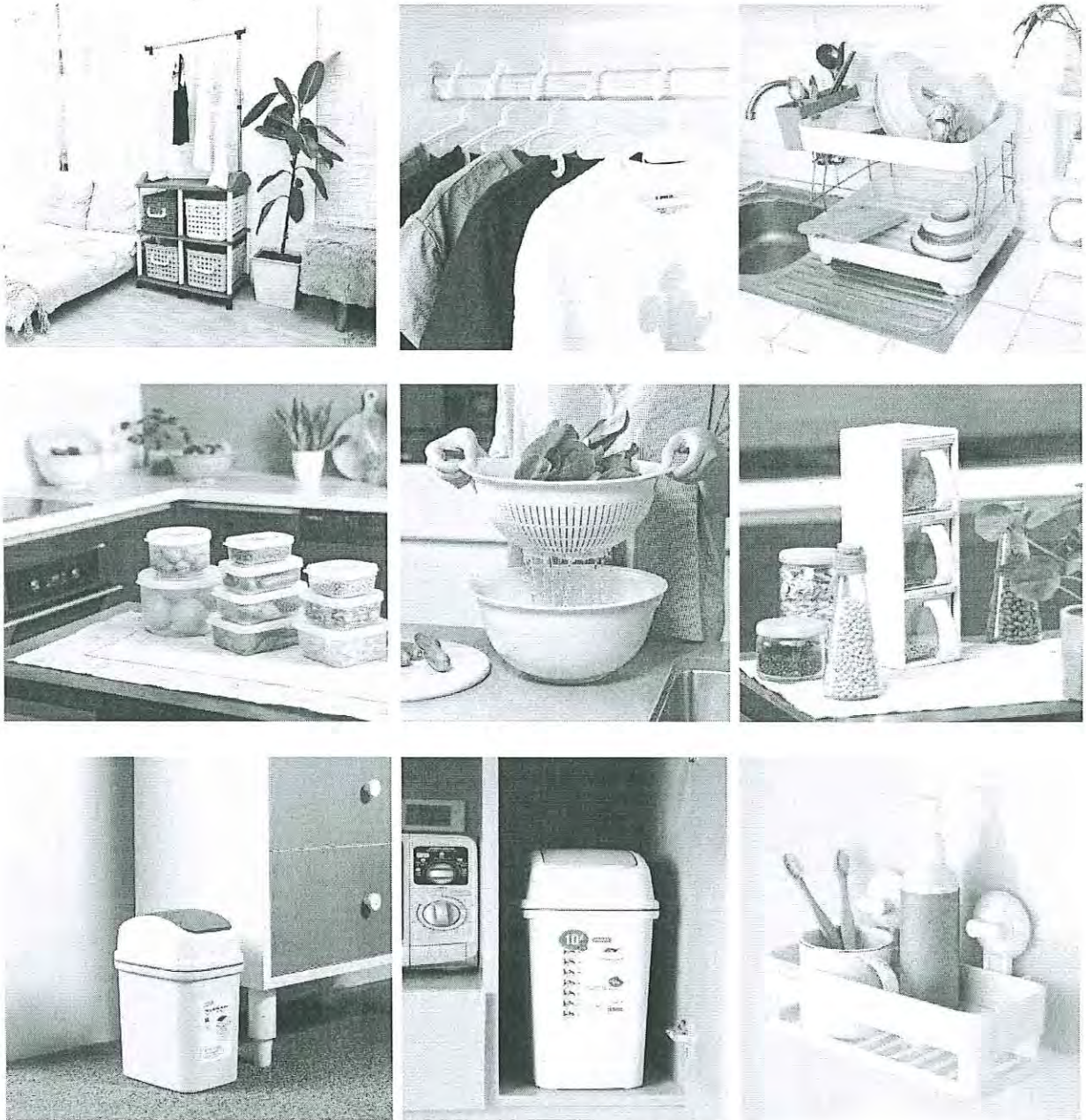
Nhựa gia dụng

Sau giai đoạn nghiên cứu phát triển sản phẩm, lên thiết kế, chuẩn bị khuôn mẫu và dây chuyền công nghệ, thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp Inochi đã chính thức ra mắt thị trường. Đến cuối năm 2018 Inochi đã có trong tay hơn 50 sản phẩm kết hợp: sản phẩm ép/sản phẩm bao bì màng và sản phẩm nhập khẩu trực tiếp từ Nhật để thương mại. Đến nay, hệ thống phân phối sản phẩm Inochi cũng đã cơ bản được xây dựng với chiến lược phát triển chọn lọc các đại lý phân phối truyền thống và tập trung vào các kênh bán hàng hiện đại. Tính đến tháng 6/2020 sản phẩm Inochi đã có mặt tại hầu hết các tỉnh thành trong nước và các hệ thống siêu thị với gần 40 đại lý tại miền Bắc và miền Trung, 30 siêu thị lớn tại Hà Nội và TPHCM, hơn 150 cửa hàng, siêu thị vừa và nhỏ tại TPHCM, hơn 400 cửa hàng thuộc chuỗi Bách hóa xanh, toàn bộ hệ thống siêu thị Vinmart, toàn bộ hệ thống miền Bắc của chuỗi điện



máy HC.

Hình 7: Một số sản phẩm nhựa gia dụng



Gạch ngói

Công ty cung cấp các sản phẩm gạch ngói như gạch ceramic, gạch lát Granite vi tinh kim cương, Granite đồng chất kim loại thấm muối tan, ngói lớp và các phụ kiện ngói, ... sản xuất bởi Công ty Cổ Phần CMC.

Ngoài ra, Công ty cũng thành lập công ty thương mại DNP – Hawaco, chuyên cung cấp các phụ kiện vật tư ngành nước như đồng hồ nước, valve, ... nhằm tận dụng tệp khách hàng sẵn có và thế mạnh của các đối tác, đơn vị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Điện thoại: 0251 3836174. Fax: 0251 3836174. Website: www.dnpcorp.com.vn

**b) Công nghệ áp dụng**

DNP sử dụng các công nghệ tiên tiến trong quá trình sản xuất với máy móc hiện đại được nhập từ Đức, Nhật Bản, ... Toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm của Công ty đều được tiến hành kiểm tra một cách cẩn trọng, từ khâu kiểm tra nguyên vật liệu đến khi sản xuất ra sản phẩm đưa vào bảo quản. Máy móc thiết bị cũng được kiểm tra thường xuyên trong suốt quy trình sản xuất đảm bảo mọi sai sót trong quá trình sản xuất đều được xử lý kịp thời, hạn chế tối đa những hư hỏng có thể xảy ra.

VẬT LIỆU XÂY DỰNG**❖ Ống nhựa và phụ kiện, gạch ngói**

- Dây chuyền sản xuất ống HDPE công nghệ Ý, Đức.
- Dây chuyền sản xuất ống uPVC và ống PPR công nghệ Đức.
- Dây chuyền sản xuất phụ kiện PVC, HDPE, PPR,... công nghệ Nhật Bản và Hàn Quốc.
- Các dây chuyền sản xuất gạch ngói theo công nghệ hiện đại của Ý, Tây Ban Nha, Trung Quốc.

BAO BÌ**❖ Bao bì cứng**

- Máy ép phun nhựa công nghệ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan
- Máy đùn thổi nhựa 3 lớp, HD từ Đức, Thái Lan
- Máy thổi nhựa PET Đài Loan, Thái Lan
- Máy gia công cơ khí chính xác công nghệ Nhật Bản

❖ Bao bì mềm

- Máy thổi, máy cắt màng film HDPE, dán nhãn công nghệ Đài Loan, Trung Quốc
- Máy thổi, máy cấp túi ziplock và túi slider công nghệ Đài Loan, Trung Quốc

NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, 16 nhà máy nước áp dụng các công nghệ xử lý nước tiên tiến trên thế giới và hệ thống quản lý, giám sát và thu thập dữ liệu tự động.

- Công nghệ UBCF – bể lọc tiếp xúc sinh học dòng chảy ngược của Nhật Bản
- Công nghệ lắng Lamella
- Công nghệ lọc UF – RO – Màng siêu lọc và thẩm thấu ngược
- Hệ thống SCADA – Điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu
- Hệ thống quản lý mạng lưới và công tác ghi thu.



c) Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần Hợp nhất theo từng năm

Đơn vị: Tỷ đồng

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Ống nhựa & Phụ kiện thiết bị ngành nước, gạch ngói	867	31%	1.296	39%	1.532	45%
Đồ gia dụng và bao bì	1.321	47%	1.319	40%	1.116	33%
Nước và môi trường	611	22%	674	21%	755	22%
Tổng cộng	2.799	100%	3.289	100%	3.403	100%

Nguồn: DNP Corp

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2020 của DNP Corp tăng 17,5% so với năm 2019, đạt 3.289 tỷ đồng. Cơ cấu doanh thu thuần có sự dịch chuyển lớn, tỷ trọng doanh thu thuần từ đồ gia dụng và bao bì giảm từ 47% năm 2019 xuống 40% năm 2020, tỷ trọng doanh thu từ ống nhựa và phụ kiện thiết bị ngành nước tăng từ 31% lên 39%, tỷ trọng doanh thu từ nước và môi trường giảm nhẹ từ 22% năm 2019 xuống còn 21% năm 2020. Doanh thu lũy kế 09 tháng đầu năm 2021 đạt 3.403 tỷ đồng, trong đó ngành ống nhựa và phụ kiện thiết bị ngành nước, gạch ngói chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu tương ứng 45%.

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ theo từng năm

Đơn vị: Tỷ đồng

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Ống nhựa & Phụ kiện thiết bị ngành nước, gạch ngói	1.172	69%	1.224	66%	1.129	70%
Bao bì, túi nilon nhựa	537	31%	644	34%	492	30%
Tổng cộng	1.709	100%	1.868	100%	1.621	100%

Nguồn: DNP Corp

Trong bảng cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ, ống nhựa và thiết bị phụ kiện ngành nước, gạch ngói chiếm phần lớn tỷ trọng doanh thu giao động từ 69% - 72%, còn lại là tỷ trọng doanh thu của bao bì, túi nilon nhựa từ 28% - 34%.

**Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp Hợp nhất các mảng hoạt động qua các năm**

Đơn vị: Tỷ đồng

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		30/09/2021	
	Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp
Ống nhựa & Phụ kiện thiết bị ngành nước, gạch ngói	192	38%	225	39%	280	42%
Đồ gia dụng và bao bì	149	29%	192	34%	178	27%
Nước và môi trường	167	33%	157	27%	203	31%
Tổng cộng	508	100%	574	100%	661	100%

Nguồn: DNP Corp

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		30/09/2021	
	Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp
Ống nhựa & Phụ kiện ngành nước, gạch ngói	135	83%	145	91%	114	90%
Bao bì, túi nilon nhựa	27	17%	15	9%	13	10%
Tổng cộng	162	100%	160	100%	127	100%

Nguồn: DNP Corp

d) Chi phí sản xuất**Bảng 9: Cơ cấu chi phí sản xuất Công ty hợp nhất các mảng hoạt động qua các năm**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		30/09/2021	
		Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí
1	Giá vốn hàng bán	2.291.168	77,61%	2.714.355	77,29%	2.741.530	76,28%
2	Chi phí tài chính	266.755	9,04%	322.988	9,20%	369.137	10,27%
	<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>243.954</i>	<i>8,26%</i>	<i>312.945</i>	<i>8,91%</i>	<i>354.239</i>	<i>9,86%</i>
3	Chi phí bán hàng	162.008	5,49%	205.204	5,84%	217.553	6,05%



STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		30/09/2021	
		Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	215.826	7,31%	262.847	7,48%	259.657	7,22%
5	Chi phí khác	16.581	0,56%	6.408	0,18%	6.044	0,17%
	Tổng cộng	2.952.338	100%	3.511.802	100%	3.593.921	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 & BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

Phần lớn chi phí sản xuất hợp nhất của DNP Corp là giá vốn hàng bán, cụ thể giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ từ 76% đến hơn 77%. Mặt khác, do duy trì tỷ lệ vay và thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn cao do vậy chi phí lãi vay của DNP Corp luôn duy trì ở tỷ lệ cao, chiếm từ 8% đến gần 10%. Thời điểm 30/09/2021, giá vốn hàng bán và chi phí lãi vay chiếm tỷ lệ lần lượt là 76,28% và 9,86%.

Bảng 10: Cơ cấu chi phí sản xuất Công ty mẹ các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		30/09/2021	
		Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí
1	Giá vốn hàng bán	1.547.101	87,22%	1.708.324	88,54%	1.494.469	88,43%
2	Chi phí tài chính	108.056	6,09%	96.991	5,03%	97.433	5,77%
	Chi phí lãi vay	87.209	4,92%	89.529	4,64%	89.363	5,29%
3	Chi phí bán hàng	52.380	2,95%	62.392	3,23%	53.264	3,15%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	58.361	3,29%	57.921	3,00%	43.665	2,58%
5	Chi phí khác	7.923	0,45%	3.889	0,20%	1.193	0,07%
	Tổng cộng	1.773.821	100%	1.929.517	100%	1.690.024	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2019, 2020 & BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021

Phần lớn chi phí sản xuất Công ty mẹ là giá vốn hàng bán, cụ thể giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ từ 87% đến 88,5%. Mặt khác, do duy trì tỷ lệ vay và thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn cao do vậy chi phí lãi vay của DNP Corp luôn duy trì ở tỷ lệ cao, chiếm từ 4% đến



5%. Thời điểm 30/09/2021, giá vốn hàng bán và chi phí lãi vay chiếm tỷ lệ lần lượt là 88,43% và 5,29%.

10.2. Tài sản

Bảng 11: Tài sản cố định – Hợp nhất tại ngày 30/09/2021

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	8.718.039	5.121.680	58,75%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.170.328	1.307.215	60,23%
2	Máy móc, thiết bị	2.493.544	962.022	38,58%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.017.618	2.837.734	70,63%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	33.758	12.579	37,26%
5	TSCĐ khác	2.790	2.130	76,33%
II	TSCĐ thuê tài chính	357.093	252.740	70,78%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.401	1.461	60,83%
2	Máy móc, thiết bị	336.017	238.188	70,89%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.444	13.046	70,73%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	231	46	20%
III	TSCĐ vô hình	2.088.192	2.036.411	97,52%
1	Quyền sử dụng đất	1.752.569	1.726.065	98,49%
2	Bản quyền, bằng sáng chế	138	-	-
3	Chương trình phần mềm	12.793	9.290	72,62%
4	TSCĐ vô hình khác	322.692	301.086	93,30%
IV	Bất động sản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng		11.163.324	7.410.862	66,39%

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

**Bảng 12: Tài sản cố định – Công ty mẹ tại ngày 30/09/2021**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	282.313	103.185	36,55%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	38.614	11.296	29,25%
2	Máy móc, thiết bị	221.577	83.926	37,88%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.921	7.592	40,13%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.201	371	11,58%
II	TSCĐ thuê tài chính	190.667	138.190	72,48%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.401	1.460	60,83%
2	Máy móc, thiết bị	186.373	135.390	72,64%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.662	1.293	77,79%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	231	46	20%
IV	Bất động sản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng		472.980	243.375	51,03%

Nguồn: BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021

10.3. Thị trường hoạt động**Bảng 13: Doanh thu của từng thị trường**

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Thị trường	Năm 2019	Năm 2020	30/09/2021
1.	Hợp nhất	2.799.110	3.288.654	3.402.939
	Trong nước	2.270.291	2.656.985	2.942.854
	Xuất khẩu	528.819	631.670	460.085
2.	Công ty mẹ	1.728.357	1.869.955	1.623.343
	Trong nước	1.199.538	1.238.285	1.163.258
	Xuất khẩu	528.819	631.670	460.085
	Tổng cộng	4.527.467	5.158.609	5.026.282

Nguồn: DNP Corp

**Bảng 14: Lợi nhuận của từng thị trường**

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Thị trường	Năm 2019	Năm 2020	30/09/2021
1.	Hợp nhất	507.942	574.300	661.409
	Trong nước	479.706	556.671	645.310
	Xuất khẩu	28.236	17.628	16.099
2.	Công ty mẹ	161.963	160.104	127.116
	Trong nước	133.727	142.476	111.017
	Xuất khẩu	28.236	17.628	16.099
	Tổng cộng	669.905	734.404	788.525

Nguồn: DNP Corp

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

❖ Về tình hình đầu tư

Đầu tư nâng công suất nhà máy ống nhựa và phụ kiện

- **Lý do thực hiện**

Nhằm hỗ trợ chiến lược duy trì vị trí số 1 về sự đa dạng của dãy sản phẩm ống nhựa và phụ kiện và phát triển kinh doanh ở mảng xây dựng dân dụng, đáp ứng số lượng đơn hàng ngày càng tăng, Nhựa Đồng Nai cần tăng công suất nhà máy ống nhựa và phụ kiện thêm 30% bằng cách đầu tư thêm các máy ép đúc, ép đùn và một số khuôn cho các sản phẩm ống và phụ kiện uPVC, PPR.

- **Kết quả thực hiện**

Hoàn thiện dự án trong năm 2020 với chi phí đầu tư chỉ bằng 60% dự toán. Công suất nhà máy ống nhựa và phụ kiện tăng từ 12 tỷ/tháng đầu năm lên 20 tỷ/tháng vào cuối năm 2020.

Đầu tư vào nhà máy bao bì 5

- **Lý do thực hiện**

DNP bắt đầu phát triển mảng bao bì túi nhựa từ năm 2007. Từ đó đến nay, Màng bao bì vẫn tập trung mở rộng sản lượng và nâng cao chất lượng của các túi rác, túi siêu thị thông thường mà chưa có sự đột phá về giá trị tăng trong sản phẩm và cải thiện môi trường sản xuất. Năm 2020, Nhà máy bao bì 5 ra đời để hướng tới chiến lược sản phẩm cao cấp, đó là dòng sản phẩm cho túi đựng thực phẩm ziplock và slider. Dòng sản phẩm chất lượng cao



này không những giúp cho Công ty tiếp cận phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao mà còn thay đổi môi trường sản xuất sạch sẽ, mát mẻ và an toàn cho công nhân.

- ***Kết quả thực hiện***

Trong quá trình thực hiện DNP đã gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh làm chậm tiến độ giao hàng, chuyên gia không thể sang hướng dẫn trực tiếp; sản xuất, công nghệ, kỹ thuật quy trình sản xuất mới. Công ty đã nỗ lực để hoàn thành vào cuối năm 2020, khai trương nhà máy vào tháng 1/2021 và ngay lập tức có đơn hàng xuất khẩu các sản phẩm mới trong cùng tháng.

Đầu tư nâng công suất – tự động hóa sản xuất bao bì cứng

- ***Lý do thực hiện***

Nhằm tối ưu hóa lợi nhuận trên các khoản đầu tư khuôn mẫu, máy móc ban đầu bằng các đầu tư tự động hóa các khâu có thể, tăng năng suất và chất lượng giảm thiểu lỗi sản phẩm và hàng trả lại. Song song với đó, Tân Phú cũng đầu tư thêm một số khuôn mẫu để đáp ứng nhu cầu đặt sản xuất của khách hàng với phương châm đầu tư chọn lọc, ưu tiên các dự án có nhu cầu lớn và khả năng khai thác lâu dài với chi phí và thời gian tối ưu.

- ***Kết quả thực hiện***

Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác một số khuôn mẫu mới, tự động hóa tăng năng suất dây chuyền sản xuất bao bì cứng, tăng chất lượng các nhà máy Bắc Ninh, Long An và TP.HCM. Năm 2020 giảm 40% khiếu nại so với năm 2019, sản lượng trên đầu người theo ca tăng, mức tiêu thụ điện giảm...

Đầu tư phát triển thương hiệu gia dụng INOCHI

- ***Lý do thực hiện***

Từ năm 2017, DNP đã nghiên cứu và xác định đầu tư phát triển các sản phẩm gia dụng chất lượng cao để xây dựng thương hiệu gia dụng Việt Nam cao cấp vì các lý do (i) nhu cầu thị trường nội địa đối với phân khúc này cao, chưa được đáp ứng đủ và có xu hướng tăng trưởng dài hạn, (ii) Tân Phú có khả năng nâng cao năng lực sản xuất với sự hỗ trợ, tư vấn của các chuyên gia, đối tác Nhật Bản, và (iii) sản phẩm chất lượng cao cùng thương hiệu sẽ tạo nên chiến lược kinh doanh khác biệt và giá trị gia tăng lâu dài, vượt trội cho Tân Phú so với thị công bao bì cứng. Các hạng mục đầu tư cho INOCHI năm 2020 tiếp tục thực hiện theo định hướng trên, đặc biệt chú trọng về việc phát triển sản phẩm mới và thiết kế để gia tăng nhanh chóng dây sản phẩm về số lượng và chất lượng, khẳng định vị thế INOCHI là thương hiệu gia dụng cao cấp phong cách và tiêu chuẩn Nhật, đáp ứng mọi yêu cầu sử dụng của các gia đình.

- ***Kết quả thực hiện***

Từ hơn 50 mã hàng (SKU) cuối năm 2018 chủ yếu là mắc áo, kệ, thùng rác... đến cuối 2020, INOCHI đã có tới 321 SKU với đủ các nhóm sản phẩm gia dụng gồm các thau rửa, hộp



thực phẩm, sản phẩm mẹ và bé, đồ dùng vệ sinh... Trong đó, các nhóm sản phẩm đều có đủ kích thước, kiểu dáng để đáp ứng nhu cầu sử dụng và thị hiếu đa dạng. Ngoài tốc độ phát triển sản phẩm ấn tượng với hơn 100 sản phẩm mới/năm, INOCHI còn ngày càng được yêu thích bởi phong cách thiết kế trang nhã, tiện dụng đậm phong cách Nhật Bản, phù hợp với xu hướng và không gian sống hiện đại. Với chất liệu nhựa nguyên sinh an toàn với sức khỏe, quy cách đóng gói tối ưu và các sản phẩm thân thiện với môi trường như thùng rác 3 ngăn phân loại rác, các hộp thủy tinh, hộp thực phẩm thay thế cho các sản phẩm dùng một lần... INOCHI sẽ tiếp tục phát triển thành thương hiệu gia dụng cao cấp đồng hành với các xu hướng tiêu dùng bền vững tại Việt Nam.

Các dự án đầu tư nâng công suất và hiệu quả hoạt động ngành nước

• Lý do thực hiện

Thực hiện chiến lược 5 năm của DNP về nâng công suất và tăng hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên ngành nước, năm 2020 DNP Water đã tích cực triển khai các dự án nâng công suất, tự động hóa và giảm thất thoát tại các đơn vị thành viên theo hướng tối ưu hóa chi phí, thời gian thực hiện, đáp ứng nhu cầu sử dụng của địa bàn cấp nước và tình hình của từng đơn vị. Cụ thể là các chương trình giảm thất thoát nước với mục tiêu cụ thể giao cho từng đơn vị, nâng công suất và tự động hóa ở nhà máy nước Tây Ninh, Bình Thuận, Ninh Thuận, Bình Phước...

Bên cạnh đó, DNP Water cũng tích cực thực hiện các dự án mở rộng vùng cấp nước đến các khu vực có nhu cầu, vừa tăng sản lượng nước cấp của các đơn vị, vừa đáp ứng nhu cầu nước sạch của người dân/doanh nghiệp. Một số đơn vị của công ty đã triển khai các dự án kéo ống mở mạng ở các địa phương như huyện Lạng Giang – Bắc Giang, huyện Cần Giuộc – Long An...

• Kết quả thực hiện

Tỷ lệ thất thoát nước trung bình của các đơn vị nước của DNP giảm từ 11,65% năm 2019 xuống 10,99% năm 2020, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ thất thoát trung bình của ngành nước tại Việt Nam là 21 – 22%. Trong đó, có những công ty nước giảm thất thoát rất tốt như Nước sạch 3 Hà Nội giảm từ 17,7% xuống 15,3%; Cấp thoát nước Tây Ninh giảm từ 19,9% xuống 16,4%...

Về nâng công suất, phạm vi và hiệu quả hoạt động, các công ty cấp nước Bình Hiệp, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Thuận đã hoàn thành dự án cải tạo nâng công suất ở các nhà máy lớn, hoạt động ổn định từ đầu năm 2021, đáp ứng khả năng sản xuất, điều tiết cho nhu cầu nước tăng ở khu vực. Các dự án tự động hóa SCADA đã được nghiên cứu chuẩn bị và sẽ triển khai, hoàn thành trong năm 2021. Dự án mở mạng cấp nước huyện Lạng Giang, cấp nước sạch đạt chuẩn cho hàng chục nghìn hộ dân, bước đầu chứng tỏ tính khả thi và hiệu quả của mô hình cấp nước cận đô thị.

Bên cạnh các dự án nâng công suất, tự động hóa, giảm thất thoát tại các công ty nước



hiện hữu, DNP Water cũng tích cực nghiên cứu các dự án mới khả thi, ứng dụng công nghệ hiện đại và giải pháp thực tế để cấp nước sạch bền vững cho các địa phương có nhu cầu sử dụng nước cao, có tiềm năng phát triển lớn về dân cư, du lịch như các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, Quảng Bình, Sapa...

❖ **Về hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ**

Nước sạch và môi trường

Doanh thu nước sạch của công ty năm 2020 là 647 tỷ, chỉ đạt 71% kế hoạch năm, dù có tăng trưởng 10% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do phần lớn các công ty con ngành nước của DNP đều bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19. Nhiều đơn vị thương mại, dịch vụ, du lịch trong khu vực đóng cửa, hoạt động sản xuất bị đình trệ tại các khu công nghiệp... kéo theo lượng nước tiêu thụ sụt giảm, đặc biệt là ở các tỉnh thành phố Hà Nội, Long An, Bắc Giang... Bên cạnh đó, xâm nhập mặn vào cuối năm 2019 – 2020 làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới nguồn nước thô và quá trình sản xuất tại các nhà máy khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long, trong đó có các nhà máy của DNP Water như Đồng Tâm, DNP Long An. Quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp ngành nước chậm lại, cùng với các quy định chặt chẽ hơn về quản lý vận hành, giám sát trong ngành nước cũng khiến hoạt động đầu tư mở rộng quy mô của công ty bị ảnh hưởng.

Trước các thách thức trên, công ty tập trung cải thiện quản trị vận hành và tăng hiệu quả hoạt động tại các đơn vị thành viên bằng cách áp dụng cơ chế giám sát, báo cáo thường xuyên, kiểm soát tối ưu chi phí, xét nghiệm nội kiểm nghiệm ngặt đảm bảo chất lượng nước luôn đạt chuẩn, giảm thất thoát và đầu tư tăng hiệu suất, công suất ở các địa phương có nhu cầu. Song song với đó, công ty tích cực triển khai chuyển đổi số và nâng cao dịch vụ khách hàng qua phần mềm ghi thu và thanh toán trực tuyến, tiến đến triển khai các tổng đài dịch vụ khách hàng tại tất cả các đơn vị. Công ty cũng đảm bảo cấp nước liên tục và an toàn phục vụ sinh hoạt và sản xuất ở các địa bàn, ngay cả tại các địa phương bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu ở Đồng Tâm, Long An... vào thời điểm hạn mặn gay gắt năm 2020.

Vật liệu xây dựng

Doanh thu ngành vật liệu xây dựng đạt 1.300 tỷ, tăng 47% so với 2019.

Màng ống nhựa & vật tư phụ kiện: đạt doanh số 1.045 tỷ, tăng 34 % so với năm 2019. Tiếp tục khẳng định thị phần số 1 mảng ống nhựa hạ tầng. Gia tăng nhanh chóng thị phần mảng tòa nhà, xây dựng dân dụng.

Màng vật tư thiết bị ngành nước: doanh thu 2020 đạt 251 tỷ đồng, tăng 292% so với 2019. Đặt nền tảng vững chắc cho kinh doanh vật liệu xây dựng năm 2021: mở rộng địa bàn toàn quốc; bổ sung chuỗi sản phẩm, mở rộng ngành thoát nước, thủy lợi; bổ sung phát triển mảng gạch ngói vào mảng vật liệu xây dựng

Bao bì

Ngành bao bì đạt doanh số 1.204 tỷ. Sản lượng tăng 15% so với 2019.



Bao bì mềm: Năm 2020, mảng sản xuất kinh doanh bao bì tiếp tục phát triển ổn định, doanh thu đạt 644 tỷ, tăng trưởng 20% so với năm trước. Công ty đã hoàn thành dự án và đưa nhà máy bao bì 5 vào hoạt động với công suất 120 tấn/tháng, sản xuất các sản phẩm mới ra mắt với chất lượng và giá trị gia tăng tốt hơn như túi ziploc, túi slider đựng thực phẩm. Dù công tác phát triển thị trường và sản xuất kinh doanh gặp khó khăn do sự hạn chế di chuyển vì dịch bệnh và vận chuyển quốc tế bị chậm lại, công ty vẫn bảo đảm được đơn hàng đủ tận dụng công suất các nhà máy, duy trì sản xuất, đáp ứng đơn hàng và xuất được một đơn hàng túi thực phẩm đi Úc ngay sau khi nhà máy bao bì 5 đi vào hoạt động cuối năm 2020.

Bao bì cứng: chỉ đạt doanh thu 560 tỷ năm 2020, sụt giảm 26% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do các khách hàng của công ty giảm sản lượng sản xuất và đặt bao bì do ảnh hưởng bởi đại dịch, đặc biệt trong giai đoạn quý I và quý II năm 2020 khi dịch Covid-19 bùng phát và nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội. Tuy nhiên tình hình tốt hơn vào cuối năm, và cùng với việc giá nguyên vật liệu giảm, song song với việc áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động...mảng bao bì cứng đã cải thiện lợi nhuận trong năm 2020.

Sản phẩm gia dụng

Doanh thu mảng sản phẩm gia dụng năm 2020 phát triển nhanh hơn kỳ vọng, đạt 115 tỷ đồng, gấp hơn 4 lần doanh thu năm 2019 và tương ứng 139% kế hoạch năm 2020. Bước nhảy vọt của doanh thu đạt được nhờ dãy sản phẩm đạt đủ độ lớn và sự đa dạng sau 3 năm tập trung phát triển và việc thâm nhập sâu rộng vào hệ thống phân phối đa kênh gồm các siêu thị hiện đại, nhà phân phối truyền thống, các kênh phân phối mới như siêu thị mẹ và bé, thương mại điện tử, shop thương hiệu INOCHI... nhờ đẩy mạnh mở rộng các kênh bán hàng hiện đại và truyền thống. Đến cuối năm 2020, thương hiệu gia dụng INOCHI đã có trên 300 sản phẩm chất lượng cao, thiết kế đẹp gồm các nhóm hàng kệ giỏ, thùng rác, thau rửa, tiện ích mẹ và bé...có mặt tại tất cả hệ thống siêu thị lớn và các tỉnh thành, có tới 20 shop chuyên bán hàng INOCHI trên cả nước.

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 15: Các hợp đồng Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện

Đvt: triệu đồng

Stt	Tên hợp đồng	Khách hàng	Giá trị HĐ	Sản phẩm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
Hợp đồng đã được thực hiện:							
1.	538/2021/HĐKT	Xí nghiệp Xây dựng số 6 – Công ty Cổ	25.103	Óng	25/05/2021	2021	Không có



Stt	Tên hợp đồng	Khách hàng	Giá trị HĐ	Sản phẩm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
		phần Xây dựng số 5					
2.	210/2021/HĐKT	Công ty TNHH Cấp thoát nước Mỏ Cày	10.822	Ống	11/03/2021	2021	Không có
3.	345/2021/HĐ-HDPE	Công ty CP Bạch Đằng 4	10.036	Ống	18/04/2021	2021	Không có
4.	482/2021/HĐKT	Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	7.814	Ống	13/05/2021	2021	Không có
5.	002/2021/HĐMN	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh VIETREE	6.960	Ống	30/03/2021	2021	Không có
6.	05/2021/HĐKT/DN P-TNG	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TNG	5.664	Ống	02/01/2021	2021	Không có
7.	01/2021/CNQ-NQN-NĐN	Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh	5.086	Ống	05/05/2021	2021	Không có
8.	05/2020/HĐBH	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Bình An An	32.971	Ống	01/08/2020	2020	Không có
9.	06/TNG/HĐBH	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TNG	15.788	Ống	01/08/2020	2020	Không có
10.	468/2020/HĐKT	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Thiết bị Ngành nước	9.903	Ống	28/05/2020	2020	Không có
11.	670/2020/HĐKT	Công ty TNHH ĐT XD – Cấp thoát nước & MT WASEEN	9.565	Ống	29/07/2020	2020	Không có
12.	1090/HĐKT-CNTG	Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	9.039	Ống	21/12/2020	2020	Không có
13.	1315/2020/HĐ-HĐKT	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.323	Ống	28/12/2020	2020	Không có
14.	1189/2020/HĐKT	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	7.208	Ống	02/12/2020	2020	Không có



Stt	Tên hợp đồng	Khách hàng	Giá trị HĐ	Sản phẩm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
15.	105/2019	Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Xuân	24.374	Ổng	16/04/2019	2019	Không có
16.	461/2019	Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	16.027	Ổng	25/09/2019	2019	Không có
17.	779/2019	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Long An	15.110	Ổng	31/12/2019	2019	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Long An là công ty con sở hữu gián tiếp bởi DNP
18.	044/2019/HĐKT-CNTG	Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	7.269	Ổng	04/03/2019	2019	Không có
19.	137/2019/HĐMB/SI GMA-NDN	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma	8.343	Ổng	03/07/2019	2019	Không có
20.	10/2019/HĐBH/AV-DNP/Dự án Samsora Hà Đông	Công ty TNHH Ứng dụng và Phát triển công nghệ An Việt	7.147	Ổng	01/03/2019	2019	Không có
21.	477/2019/HĐKT	Công ty TNHH Xây dựng Phú Hải Sơn	5.783	Ổng	30/09/2019	2019	Không có
Hợp đồng đã ký kết nhưng chưa thực hiện: Không có							

Nguồn: DNP Corp

(*): Mối quan hệ với các đối tượng là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành.

**10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn****Bảng 16: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn***Đvt: triệu đồng*

Stt	Tên	Giá trị giao dịch	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với các đối tượng
A. Các khách hàng lớn					
1.	Xí nghiệp Xây dựng số 6 – Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	25.103	2021	Ổng	Không có
2.	Công ty TNHH Cấp thoát nước Mỏ Cày	10.822	2021	Ổng	Không có
3.	Công ty CP Bạch Đằng 4	10.036	2021	Ổng	Không có
4.	Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	7.814	2021	Ổng	Không có
5.	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh VIETREE	6.960	2021	Ổng	Không có
6.	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TNG	5.664	2021	Ổng	Không có
7.	Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh	5.086	2021	Ổng	Không có
8.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Bình An An	32.971	2020	Ổng	Không có
9.	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TNG	15.788	2020	Ổng	Không có
10.	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Thiết bị Ngành nước	9.903	2020	Ổng	Không có
11.	Công ty TNHH ĐT XD – Cấp thoát nước & MT WASEEN	9.565	2020	Ổng	Không có
12.	Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	9.039	2020	Ổng	Không có
13.	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.323	2020	Ổng	Không có
14.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	7.208	2020	Ổng	Không có
15.	Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Xuân	24.374	2019	Ổng	Không có
16.	Công ty Cổ phần Đô thị Cam	16.027	2019	Ổng	Không có



Stt	Tên	Giá trị giao dịch	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với các đối tượng
	Ranh				
17.	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Long An	15.110	2019	Ổng	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Long An là công ty con sở hữu gián tiếp bởi DNP
18.	Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	7.269	2019	Ổng	Không có
19.	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma	8.343	2019	Ổng	Không có
20.	Công ty TNHH Ứng dụng và Phát triển công nghệ An Việt	7.147	2019	Ổng	Không có
21.	Công ty TNHH Xây dựng Phú Hải Sơn	5.783	2019	Ổng	Không có
B. Các nhà cung cấp lớn					
1.	Sabic Asia Pacific Pte Ltd	118.489	2021	Hạt nhựa	Không có
2.	Borouge Pte Ltd	141.540	2021	Hạt nhựa	Không có
3.	Basell Asia Pacific Ltd	60.176	2021	Hạt nhựa	Không có
4.	Công ty TNHH MTV Thiết bị điện Lioa Đồng Nai	7.980	2021	Cáp điện	Không có
5.	Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	40.779	2021	Bột PVC	Không có
6.	Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	11.316	2021	Hạt màu	Không có
7.	Sabic Asia Pacific Pte Ltd	134.866	2020	Hạt nhựa	Không có
8.	Borouge Pte Ltd	282.244	2020	Hạt nhựa	Không có
9.	Basell Asia Pacific Ltd	78.277	2020	Hạt nhựa	Không có
10.	Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	57.692	2020	Bột PVC	Không có
11.	Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	18.259	2020	Hạt màu	Không có
12.	Sabic Asia Pacific Pte Ltd	157.387	2019	Hạt nhựa	Không có
13.	Borouge Pte Ltd	208.591	2019	Hạt nhựa	Không có
14.	Basell Asia Pacific Ltd	119.359	2019	Hạt nhựa	Không có



Stt	Tên	Giá trị giao dịch	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với các đối tượng
15.	Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	50.146	2019	Bột PVC	Không có
16.	Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	18.286	2019	Hạt màu	Không có
17.	Công ty TNHH Bao bì giấy Việt Trung Long An	9.284	2019	Phụ liệu	Không có

Nguồn: DNP Corp

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Hiện tại DNP đang nắm giữ vị trí số 1 trong lĩnh vực cung cấp ống nhựa hạ tầng với thị phần nắm giữ khoảng 40% toàn ngành, tập trung chủ yếu ở các công trình cấp thoát nước với mạng lưới cung cấp rộng khắp 43/63 tỉnh thành. Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai hiện có 05 nhà máy với khả năng sản xuất 4.000 tấn ống/tháng và 1.000 tấn phụ kiện nhựa dân dụng/tháng, khả năng sản xuất hơn 400 loại phụ kiện khác nhau. Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai đang sở hữu hệ thống dây chuyền sản xuất tiên tiến của các nước châu Âu (Đức và Italia).

Trong lĩnh vực cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai có bề dày 15 năm kinh nghiệm cung cấp các sản phẩm ống nhựa uPVC và HDPE cho các dự án trọng điểm quốc gia như: Công trình tuyến ống hệ thống làm mát dự án Nhiệt Điện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh tổng chiều dài 22km ống HDPE DN630, dự án hệ thống ống cấp 1 dự án nước mặt Bắc Ninh hơn 9km ống DN630-225, dự án tuyến ống cấp nước sạch thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông DN400-710 với tổng chiều dài hơn 20km, dự án tuyến ống làm mát Nhiệt Điện Thái Bình 2 DN450 với chiều dài hơn 28km, dự án tuyến ống cấp 1 huyện Củ Chi DN710-800 với chiều dài hơn 5km...

DNP đang là nhà cung cấp chính cho các công ty Xây dựng lớn, có thể kể đến như Tổng công ty Đầu tư Xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn, CTCP Cơ khí công trình cấp nước và các công ty xây dựng lớn khác như Vinaconex 5, Vinaconex 17,...

Đối với lĩnh vực nhựa công nghiệp của đơn vị thành viên thì công ty cũng nằm trong khoảng top 5, với 41 năm kinh nghiệm trong nghề. Khách hàng là những Tập đoàn, Tổng công ty hàng đầu trên thế giới và trong nước như CocaCola, Vedan, Sabeco, Pinaco, Pepsi, Lavie, Nutifood....

**Bảng 17: So sánh DNP Corp và các doanh nghiệp khác cùng ngành**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	DNP	BMP	NTP	DAG	RDP	AAA
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.092	819	1.178	518	411	2.218
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.289	4.686	4.486	1.757	2.744	7.429
3	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	574	1.247	1.388	114	195	777
4	LNST	Tỷ đồng	27	523	447	10	3	283
5	EPS	đồng/CP	132	6.384	3.387	189	34	1.310

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán của các công ty

b) Triển vọng phát triển của ngành

Ngành nhựa và vật liệu xây dựng

Ngành nhựa Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng trung bình 6,5%/năm trong giai đoạn 2019 – 2023 do: (1) Theo BMI, chi tiêu cho hai mảng thực phẩm và đồ uống không cồn ở Việt Nam sẽ tăng trưởng với mức CAGR lần lượt ở mức 9,2% và 11,2% giai đoạn 2019 - 2023. Đây sẽ là động lực tăng trưởng chính cho mảng nhựa bao bì; (2) Giai đoạn 2019 – 2023, xây dựng nhà ở và xây dựng hạ tầng nước được dự báo sẽ tăng trưởng lần lượt 6,7% và 7,3% một năm sẽ tạo động lực tăng trưởng chính cho mảng nhựa xây dựng và các vật liệu xây dựng khác bao gồm gạch ngói; (3) Xu hướng chuyển dịch sản xuất sang Việt Nam trong ngắn hạn cùng với đó là chính sách tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ của chính phủ sẽ tạo cơ hội phát triển cho mảng nhựa kỹ thuật trong tương lai.

Bên cạnh đó thị trường nhựa xuất khẩu cũng được kỳ vọng tăng trưởng nhờ hiệp định EVFTA có hiệu lực từ năm 2020. Châu Âu là thị trường quan trọng, chiếm khoảng 20% trong cơ cấu giá trị xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam năm 2018. Sau khi EVFTA đi vào hiệu lực, thuế quan của hầu hết các sản phẩm nhựa xuất khẩu vào thị trường EU sẽ được gỡ bỏ. Đây sẽ là một lợi thế lớn để gia tăng sản lượng sản phẩm nhựa xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam với thị trường quan trọng là EU. Hiện tại, hiệp định EVFTA đã được Quốc hội Việt Nam và Nghị viện Châu Âu phê duyệt và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/08/2020.

Ngành nước

Nhu cầu nước sạch gia tăng do kinh tế tăng trưởng, quá trình đô thị hóa được đẩy mạnh, công nghiệp phát triển cùng cơ chế mở cửa đối với tư nhân hóa. Nhu cầu đầu tư mở rộng công suất vẫn còn nhiều dựa trên các nguyên nhân sau:

- Tỷ lệ sử dụng nước máy hiện hữu của người dân vẫn chưa đạt mức 90% - 100%. Trong khi tốc độ tăng trưởng đô thị hoá hàng năm nhanh 0,7%/năm, tương đương



quy mô dân số đô thị tăng khoảng 1 triệu người/năm, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn.

- Tốc độ tăng trưởng khách du lịch tại Việt Nam vẫn ở mức cao hiện ở mức 15 - 20%/năm kéo theo nhu cầu tiêu thụ nước từ ngành dịch vụ du lịch tăng theo. Ảnh hưởng hiện tại của dịch bệnh Covid-19 sẽ chỉ xảy ra trong ngắn hạn, về trung – dài hạn làn sóng thu hút khách du lịch của Việt Nam sẽ vẫn ở mức tốt.
- Các khu công nghiệp vẫn đang được mở rộng nhờ lợi thế từ các hợp đồng FTA Việt Nam đã ký, xu hướng chuyển dịch sản xuất ra khỏi Trung Quốc và Việt Nam có hệ thống cảng, giao thông, điện tiếp tục được đầu tư phát triển.
- Xu hướng chuyển từ việc sử dụng nước ngầm từ khai thác sang hệ thống nước máy tập trung sẽ ngày càng mạnh mẽ do ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường.
- Ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn tại các vùng đồng bằng ven biển, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long đặt ra yêu cầu xây dựng các nhà máy mới để tiến tới thay thế cho các nhà máy nước hiện hữu trong vùng sẽ không thể hoạt động trong điều kiện hạn mặn.

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Chiến lược ngành nhựa và vật liệu xây dựng

Để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu, DNP đã mạnh dạn đầu tư hơn nữa vào công tác đổi mới máy móc công nghệ, tăng cường kiến thức chuyên môn, liên tục cập nhật xu thế thị trường và đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu. Cụ thể, chiến lược của Công ty đối với ngành nhựa trong những năm tới như sau:

- Ống nhựa và vật tư thiết bị cho hệ sinh thái cấp thoát nước và gạch ngói: Khẳng định vị thế số 1 trong mảng hạ tầng cấp thoát nước, hoàn thiện bộ sản phẩm và giải pháp ngành nước, củng cố thị phần và gia tăng doanh số ngành gạch ngói. Đồng thời thâm nhập sâu phân khúc thị trường xây dựng dân dụng gồm nhà ở, nhà cao tầng, khu dân cư, khu du lịch, tưới tiêu nông nghiệp
- Bao bì xuất khẩu: Bên cạnh thị trường truyền thống là Tây Âu, tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu sang Đông Âu, Châu Mỹ, Châu Úc. Tối ưu hoá công nghệ sản xuất hiện hữu, tăng hiệu quả hoạt động và biên lợi nhuận. Đồng thời đầu tư cơ sở sản xuất mới cho sản phẩm có tiêu chuẩn cao hơn, giá trị gia tăng cao hơn như túi sử dụng nhiều lần, túi thực phẩm.
- Nhựa công nghiệp: Tối ưu hóa dây chuyền sản xuất hiện có, tăng cường khai thác tập



khách hàng hiện tại để giảm thiểu đầu tư mới. Bên cạnh đó, đẩy mạnh tiếp cận nhóm khách hàng quốc tế, các doanh nghiệp FDI và các khách hàng có giá trị cao hơn, như các doanh nghiệp ngành thực phẩm, dược phẩm...

- Đồ gia dụng: Với dãy sản phẩm có chất lượng cao, tiện ích, mẫu mã sang trọng, thương hiệu Inochi của Tân Phú bước đầu định vị là thương hiệu đồ gia dụng cao cấp của Việt Nam. Bước đầu Inochi đã chinh phục được niềm tin của khách hàng, hiện diện rộng khắp ở các siêu thị lớn (Vinmart, Aeon, ...), nền tảng cho quá trình tăng trưởng cao ở các năm tiếp theo.

Chiến lược ngành nước

Không nằm ngoài xu hướng phát triển của ngành, DNP tiếp tục đẩy mạnh đầu tư nhằm gia tăng quy mô đồng thời cải thiện hiệu quả hoạt động. Cụ thể, chiến lược của Công ty đối với ngành nước trong những năm tới như sau:

- Tích cực tăng quy mô thông qua việc phát triển các dự án cấp nước mới tại những địa bàn có nhu cầu sử dụng nước cao phục vụ cho sinh hoạt, hoạt động công nghiệp, dịch vụ - du lịch, nâng công suất các nhà máy hiện hữu, tham gia đối tác chiến lược trong các công ty cấp nước có nhu cầu phát triển hệ thống cấp nước. Hướng tới mục tiêu tăng tỷ lệ người dân được tiếp cận với nước sạch đạt tiêu chuẩn đến mức 100% tại các khu vực DNPW hoạt động.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động tại các công ty cấp nước thành viên thông qua chương trình chuyển đổi số triệt để ở tất cả các khâu trong quá trình hoạt động, từ xây dựng hệ thống đến áp dụng các mô hình quản trị dựa vào quá trình số hóa nhằm tăng năng suất lao động, cải thiện hoạt động sản xuất, đảm bảo an toàn sản xuất và đảm bảo chất lượng nước cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; cải thiện công tác quản lý mạng lưới cấp nước, mở rộng địa bàn và phát triển tệp khách hàng cũng như gia tăng hiệu quả đầu nối; thực hiện các dự án nhằm giảm thất thoát nước; đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước và chất lượng nước cấp tới người tiêu dùng.
- Phát triển nguồn nhân lực nội tại thông qua việc tổ chức các chương trình đào tạo, phát triển kỹ năng và học tập để hỗ trợ người lao động phát triển sự nghiệp, xây dựng những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động. Dưới sự lãnh đạo của đội ngũ quản lý có năng lực cao, có nhiều thành tựu trong các lĩnh vực cốt lõi; đội ngũ nhân viên lành nghề, giàu kiến thức và kinh nghiệm; kết hợp với thế mạnh về công nghệ, kỹ thuật, tài chính, quản trị... của các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, DNP Water phát huy các nguồn lực hướng tới mục tiêu trở thành nhà điều hành hàng đầu trong ngành nước tại Việt Nam.
- Nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, DNP Water luôn dành nhiều sự quan tâm và nguồn lực cho các dự án nhằm nâng cao chất lượng sống, hỗ trợ công đồng



phát triển bền vững như dự án lắp đặt trụ uống nước sạch tại vòi miễn phí, thực hiện các giải pháp cấp nước tưới tiêu và sinh hoạt, xả nước cứu lúa, xây dựng các trạm phát nước sạch miễn phí tại vùng bị ảnh hưởng hạn mặn và hỗ trợ dân tại các địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai hạn mặn.

10.8. Hoạt động Marketing

Hoạt động nghiên cứu thị trường: Hiện nay, hoạt động nghiên cứu thị trường do Phòng Kinh doanh phụ trách. Bên cạnh đó, Phòng Kinh doanh cũng thực hiện việc theo dõi, thống kê, phân tích và nghiên cứu những biến động có thể ảnh hưởng đến giá nguyên liệu trong nước và trên thế giới nhằm đưa ra những quyết định về việc dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, phù hợp với từng thời điểm sản xuất kinh doanh, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm: Ngoài công tác tự giới thiệu sản phẩm thông qua tìm kiếm, nắm bắt nhu cầu của khách hàng, nhờ uy tín và chất lượng, dịch vụ sản phẩm đã cung cấp Công ty còn nhận được thêm các khách hàng mới thông qua sự giới thiệu của các khách hàng truyền thống, đối tác có sử dụng sản phẩm của Công ty. Đây là một lợi thế không nhỏ trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty lập website với địa chỉ là www.dnpcorp.vn để giới thiệu những sản phẩm và dịch vụ hiện đang cung cấp cho khách hàng.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai:



Biểu tượng trên dùng làm nhãn hiệu quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của công ty tính ở thời điểm hiện tại.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản phẩm được coi là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của các doanh nghiệp. Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ mới là một yêu cầu cấp bách để đi trước và đón bắt được nhu cầu của thị trường nhằm thực hiện chủ trương phát triển bền vững, tạo sản phẩm an toàn với môi trường.

Quý trình đưa ra sản phẩm dịch vụ mới trong tương lai đòi hỏi DNP Corp phải có kế hoạch đầu tư lớn, kết hợp với việc xác định các tiêu chuẩn dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng và tình



hình tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam cũng như trên thế giới.

Do vậy, DNP Corp luôn dành các nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng cho công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, cải tiến sản xuất để tối ưu hóa hoạt động sản xuất. Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ trương tăng cường tự động hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ tiêu hao trong sản xuất, tăng tái sử dụng nguyên liệu.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Tầm nhìn 2021 – 2025

DNP trở thành công ty 16.000 tỷ doanh thu vào năm 2025, dựa trên nền tảng các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi:

- Ngành nước sạch và môi trường: công suất nước sạch đạt 2.000.000 m³/ngày đêm vào năm 2025;
- Vật liệu xây dựng: Số 1 Việt Nam về gạch men cao cấp và ngói. Top 3 Việt Nam về ống nhựa và phụ kiện. Số 1 Việt Nam về cung cấp vật tư thiết bị công nghệ, giải pháp xử lý nước. Đạt quy mô 8.000 tỷ doanh số năm 2025;
- Xây dựng INOCHI thương hiệu gia dụng cao cấp, cạnh tranh vượt trội với các thương hiệu quốc tế, đạt quy mô 2.000 tỷ doanh số năm 2025;
- Top 3 Việt Nam mảng sản xuất bao bì, đạt quy mô 3.000 tỷ doanh số năm 2025.

Chiến lược thực hiện

- Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực
- Xây dựng và tổ chức bộ máy quản trị và điều hành hiện đại, chuyên nghiệp theo mô hình tiên tiến, hiệu quả
- Triển khai chuyển đổi số trên toàn hệ thống, nâng cao năng lực cạnh tranh
- Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, minh bạch, đề cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, hướng tới phát triển bền vững
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, hợp tác với các đối tác chuyên ngành trong và ngoài nước để rút ngắn thời gian chuyển giao kinh nghiệm công nghệ và quản trị đã thành công, gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam
- Xây dựng phát triển thị trường mới cho các chuỗi sản phẩm trọng tâm của DNP
- Tập hợp sức mạnh tập thể của tất cả các đơn vị thành viên dưới mái nhà chung DNP để tạo lợi thế cộng hưởng vượt trội.

Chiến lược ngành nước

DNP có chiến lược trở thành công ty hàng đầu về đầu tư và giải pháp trong ngành nước Việt Nam thông qua việc: (i) nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tiên tiến ứng phó với biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, áp dụng công nghệ hiện đại, tăng cường quản trị vận hành để đảm bảo chất lượng nước, chuyển đổi số để tăng hiệu quả hoạt động và triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng; (ii) đầu tư vào công ty cấp nước, nâng công suất hiện hữu và phát



triển các dự án mới để đạt mục tiêu tổng công suất 2 triệu m³/ngày đêm vào năm 2025.

Chiến lược ngành vật liệu xây dựng

DNP tập trung phát triển vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện. Đây là mảng kinh doanh có nhu cầu lớn vì tốc độ đô thị hóa và thị trường xây dựng Việt Nam được đánh giá có dự địa tăng trưởng cao, trên 10%/năm, trong 10 – 20 năm tới. Công ty thực hiện chiến lược tái cơ cấu nền tảng sản xuất kinh doanh và chuyển đổi mô hình sang giai đoạn tăng trưởng nhanh, đồng thời củng cố nền tảng phát triển dài hạn một cách bền vững.

Chiến lược ngành bao bì

Duy trì sản lượng cao mảng bao bì mềm xuất khẩu truyền thống trên 1.800 tấn/tháng. Nâng cấp và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm lên chuỗi giá trị gia tăng cao hơn thông qua đầu tư mở rộng nhà máy túi thực phẩm (ziplock, slider), sản phẩm sử dụng nhiều lần. Với mảng bao bì cứng, Công ty định hướng khai thác tối ưu công suất sản xuất hiện hữu, tận dụng tăng trưởng cơ học của ngành, chuyên dịch cơ cấu khách hàng và sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị.

Chiến lược sản phẩm gia dụng

Chiến lược kinh doanh mảng sản phẩm gia dụng của công ty là tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu INOCHI vào nhóm 3 thương hiệu gia dụng hàng đầu ở Việt Nam, tăng cường năng lực thiết kế và quảng bá sản phẩm, phát triển kênh phân phối đa kênh và phủ rộng, thâm nhập sâu các kênh phân phối truyền thống, hiện đại, mở rộng shop INOCHI đến các tỉnh thành lớn trên cả nước.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Số lượng và cơ cấu lao động của DNP Corp tại thời điểm 30/06/2021 và bình quân năm 2019, 2020 như sau:

Bảng 18: Tình hình lao động của Công ty

STT	Chỉ tiêu phân loại	Năm 2019		Năm 2020		30/9/2021	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên Đại học	100	15%	138	16%	163	17%
2	Cao đẳng, trung cấp	57	8%	74	9%	85	9%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	15	2%	15	2%	16	2%
4	Lao động khác	503	75%	625	73%	712	73%
	Tổng cộng	675	100%	852	100%	976	100%

Nguồn: DNP Corp



11.2. Các chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, DNP Corp luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược của DNP Corp.

❖ Chính sách tiền lương

Áp dụng theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

❖ Chính sách tiền thưởng

DNP Corp thực hiện thưởng cho các CBCNV trên cơ sở lương chức danh công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: chế độ trợ cấp đặc biệt cho cán bộ là thương binh, trợ cấp CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tổ chức thăm hỏi đồng viên người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất...

❖ Công tác an toàn và môi trường

Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong Công ty.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng: Công ty ưu tiên tuyển dụng những lao động trẻ, có trình độ học vấn cao, tay nghề giỏi để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Công ty, cũng như tăng cường cho các nhà máy, chi nhánh mới.
- Đào tạo: Với mục tiêu đào tạo đội ngũ CBCNV lành nghề, giỏi quản lý, hàng năm Công ty điều trích ra một khoản chi phí cho công tác đào tạo. Số tiền này được Công ty dùng để hỗ trợ cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ, tham quan học hỏi công nghệ mới nhằm nâng cao trình độ. Chính sách đào tạo luôn được duy trì nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV và tạo nguồn nhân lực bổ sung vào các vị trí chủ chốt trong Công ty.

**12. Chính sách cổ tức**

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Trong giai đoạn từ năm 2018 – 2020, DNP Corp không chi trả cổ tức cho cổ đông, DNP giữ lại nguồn lợi nhuận sau thuế để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

- ❖ Thông tin về đợt phát hành gần nhất
- Căn cứ pháp lý:
 - Giấy chứng nhận chào bán Số 188/GCN – UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 17 tháng 9 năm 2020;
 - Đăng ký kinh doanh số 3600662561 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 2 tháng 01 năm 2004, cấp thay đổi lần 21 ngày 01/12/2021
- Ngày hoàn thành chào bán: 18/11/2020
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 9.145.958 cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị thu được từ việc bán cổ phần: 189.301.938.684 VNĐ

❖ Mục đích sử dụng vốn

Kế hoạch sử dụng vốn ban đầu

Mục đích sử dụng	Giá trị (VNĐ)
Trả nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng:	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	73.496.604.325
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	29.090.307.011
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	54.480.464.376
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	49.912.044.744
	206.979.420.456

**Phương án sử dụng vốn thay đổi**

Mục đích sử dụng	Giá trị (VNĐ)
Góp vốn vào công ty con	159.486.675.000
Trả nợ vay ngân hàng	29.816.363.684
Tổng cộng	189.303.038.684

- Lý do của việc thay đổi phương án sử dụng vốn là theo nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.
- Cấp có thẩm quyền phê duyệt: Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐQT ngày 20/11/2020 của Hội đồng quản trị để thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Thời điểm điều chỉnh: 20/11/2020
- ❖ Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Nội dung sử dụng	Kế hoạch sử dụng vốn VNĐ	Thực tế sử dụng vốn VNĐ	Chênh lệch VNĐ
Góp vốn vào công ty con – Công ty Cổ phần đầu tư ngành nước DNP (i)	159.486.675.000	159.486.675.000	-
Trả nợ vay ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	29.816.363.684	29.816.363.684	-
Tổng cộng	189.303.038.684	189.303.038.684	-

- ❖ Ý kiến của kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Theo báo cáo số 20-21-029-01 ngày 22/06/2021 của Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam), Ý kiến của kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng trong năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.”

- ❖ Báo cáo Đại hội đồng cổ đông

Công ty đã có Tờ trình số 01/2021/TTr-HĐQT thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và Báo cáo sử dụng vốn từ đợt phát hành tăng vốn đã được kiểm toán. Đại hội đồng cổ đông đã xem xét và thông qua với tỷ lệ 99,996% tổng số có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày



15/03/2019 và văn bản số 7155/UBCK-QLCB ngày 28/11/2019 của UBCKNN về việc Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của DNP, Công ty đã phát hành thành công 456.700 trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ cho 01 nhà đầu tư tổ chức với giá chào bán bằng mệnh giá trái phiếu là 1.000.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu có ngày đáo hạn đầu tiên là 28/12/2022 và ngày đáo hạn tiếp theo là 28/12/2023, chủ sở hữu trái phiếu có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phần phổ thông và có thể thực hiện chuyển đổi thành nhiều lần với giá chuyển đổi dự kiến là 20.698 đồng/cổ phần (giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo các trường hợp điều chỉnh giá).

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Không có.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 19: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	30/09/2021
Tổng giá trị tài sản	7.590.325	9.731.758	28,21%	14.217.763
Doanh thu thuần	2.799.110	3.288.654	17,49%	3.402.939
Lợi nhuận gộp	507.942	574.300	13,06%	661.409
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	41.613	33.374	-19,80%	19.086
Lợi nhuận khác	-1.934	-410	-78,81%	5.391
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.679	32.965	-16,92%	24.478



Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	30/09/2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế	27.097	27.085	-0,04%	7.966
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

Bảng 20: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	30/09/2021
Tổng giá trị tài sản	2.668.660	3.292.449	23,37%	4.304.212
Doanh thu thuần	1.709.064	1.868.428	9,32%	1.621.584
Lợi nhuận gộp	161.963	160.104	-1,15%	127.116
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	18.453	13.891	-24,72%	3.476
Lợi nhuận khác	-3.829	-1.840	-51,93%	1.376
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.624	12.050	-17,60%	4.852
Lợi nhuận kế toán sau thuế	10.714	12.050	12,48%	4.852
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành

❖ Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán

Dịch bệnh Covid-19 hiện tại đã lan rộng trên phần lớn các nước trên thế giới, gây ra sự sụt giảm rõ ràng về nhu cầu sản phẩm dịch vụ, nền kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng tiêu cực. Mặc dù vậy, kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn ghi nhận những kết quả tích cực: là một trong số ít quốc gia có tăng trưởng GDP dương 2,91%; lạm phát được kiểm soát trong ngưỡng mục tiêu (3,23%); tỷ giá VND/USD ổn định. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD; cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD, mức cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016. Vốn thực hiện của các dự án FDI đạt 19,98 tỷ USD,



bằng 98% so với năm 2019. Ngành công nghiệp sản xuất tăng trưởng 3,98% so với năm trước. Dự trữ ngoại hối cao ở mức 100 tỷ USD.

Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến hoạt động của DNP Corp trên nhiều khía cạnh. Trong đó, sản xuất kinh doanh ống nhựa và vật tư, thiết bị ngành nước là bị ảnh hưởng lớn nhất. Trên thực tế, dịch bệnh Covid-19 khiến cho nhu cầu thị trường bị co hẹp, đặc biệt trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, đồ gia dụng – những sản phẩm, dịch vụ, hoạt động không được xếp vào danh mục thiết yếu. Diễn biến dịch bệnh Covid-19 khiến cho Chính phủ và các chính quyền địa phương phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội, đặc biệt là tại những khu vực phát triển công nghiệp hay những khu vực đô thị hóa như Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An ... Đây đều là những địa bàn gắn liền với thị trường của DNP Corp. Điều này khiến cho các hoạt động xây dựng dân dụng, triển khai các dự án hạ tầng không thể diễn ra. Từ đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Ngoài yếu tố thị trường đầu ra, Dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng cả đến các yếu tố đầu vào, cụ thể là giá nguyên vật liệu tăng cao do giá cước vận chuyển tăng bất nguồn từ những khó khăn trong hoạt động vận chuyển quốc tế.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo DNP Corp đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp và chương trình hành động, dự đoán các kịch bản có thể diễn ra để có những giải pháp phù hợp, giảm ảnh hưởng của tác động do Dịch bệnh Covid-19, vì vậy phần nào đã hạn chế được tác động của Dịch bệnh Covid-19 đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm 31/12/2020:**

Đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên quy mô toàn cầu, đặc biệt là sự xuất hiện của các biến chủng mới dẫn tới hoạt động kinh tế suy giảm và sự thay đổi hành vi tiêu dùng theo hướng giảm tiêu dùng, tăng tiết kiệm để đề phòng rủi ro khiến cung - cầu ngành vật liệu xây dựng, ngành nhựa có thể biến động mạnh từ đó có thể khiến Doanh thu của DNP Corp bị giảm sút.

Xu hướng giảm đầu tư nước ngoài do dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại, đình trệ đầu tư, tạo tâm lý e ngại, trì hoãn mở rộng đầu tư của nhiều doanh nghiệp nước ngoài. Nhu cầu tiêu dùng trong nước phục hồi chậm và hoạt động xuất khẩu giảm tiếp tục tạo nhiều thách thức cho hoạt động của DNP Corp.

Mặt khác, việc thúc đẩy sản xuất và tiêm chủng vaccine ngừa COVID-19 của các quốc gia trên thế giới có thể sẽ mang lại hiệu quả cho các nền kinh tế, tăng dần nhu cầu tiêu dùng trong tương lai. Công ty cũng cần chủ động chuẩn bị kịch bản tốt nhất để ứng phó với những biến động có thể tác động lớn tới kết quả hoạt động và tình hình tài chính của DNP Corp.



2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, các Chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Bảng 21: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Vốn điều lệ	1.000.085	1.091.545	1.091.545

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

Bảng 22: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
I. Vốn chủ sở hữu	2.069.696	2.754.856	3.744.216
- Vốn góp của chủ sở hữu	1.000.085	1.091.545	1.091.545
- Thặng dư vốn cổ phần	68.800	166.562	166.562
- Vốn khác của chủ sở hữu	19.882	44.245	45.780
- Cổ phiếu quỹ	(28)	(28)	(28)
- Quỹ đầu tư phát triển	16.948	16.597	22.714
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54.054	21.144	7.345
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	909.955	1.414.792	2.410.299
II. Nợ phải trả	5.520.629	6.976.902	10.473.546
- Nợ ngắn hạn	2.220.332	2.574.316	3.868.036
- Nợ dài hạn	3.300.298	4.402.585	6.605.510
Tổng nguồn vốn kinh doanh	7.590.325	9.731.758	14.217.763

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

**Bảng 23: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ***Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
I. Vốn chủ sở hữu	1.149.875	1.351.147	1.355.999
- Vốn góp của chủ sở hữu	1.000.085	1.091.545	1.091.545
- Thặng dư vốn cổ phần	68.862	166.624	166.624
- Cổ phiếu quỹ	(28)	(28)	(28)
- Quỹ đầu tư phát triển	725	725	725
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	80.231	92.282	97.134
II. Nợ phải trả	1.518.784	1.941.301	2.948.213
- Nợ ngắn hạn	885.660	1.071.763	1.360.420
- Nợ dài hạn	633.125	869.538	1.587.793
Tổng nguồn vốn kinh doanh	2.668.660	3.292.449	4.304.212

*Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021***Bảng 24: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty***Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Tiền và các khoản tương đương tiền	234.654	195.260	170.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	708.368	1.248.416	1.696.567
Các khoản phải thu ngắn hạn	806.472	1.003.665	1.671.100
Hàng tồn kho	525.426	593.256	1.386.752
Tài sản ngắn hạn khác	113.985	88.724	114.244
Các khoản phải thu dài hạn	25.387	40.821	38.476
Tài sản cố định	2.615.856	5.360.698	7.410.862
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	1.450.593	172.933	482.096
Đầu tư tài chính dài hạn	725.719	625.474	880.689
Tài sản dài hạn khác	383.865	402.510	366.521

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

**Bảng 25: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty mẹ***Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/6/2021
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.141	7.408	36.280
Đầu tư tài chính ngắn hạn	196.013	523.771	113.407
Các khoản phải thu ngắn hạn	393.515	543.821	805.338
Hàng tồn kho	287.816	256.491	422.313
Tài sản ngắn hạn khác	19.642	23.494	42.831
Các khoản phải thu dài hạn	18.121	22.083	18.800
Tài sản cố định	254.815	262.836	241.375
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	3.680	1.947	4.220
Đầu tư tài chính dài hạn	1.453.019	1.617.606	2.594.422
Tài sản dài hạn khác	17.899	32.991	25.228

*Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021***Trích khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại TSCĐ như sau:

**Bảng 26: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình**

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. TSCĐ được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất vay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì TSCĐ sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại TSCĐ thuê tài chính như sau:

Bảng 27: Số năm khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 07 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	10,3	10,5	11,0



Mức lương bình quân của Công ty được đánh giá ở mức tương đương so với các doanh nghiệp cùng ngành và cùng địa bàn.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty không có khoản nợ nào với các Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan và ngược lại.

Số dư các khoản phải nộp theo quy định

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước.

Bảng 28: Số dư các khoản thuế phải nộp hợp nhất của Công ty

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.400	12.371	29.672
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	4.745	2.699	16.050
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.343	1.937	1.472
4	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.821	8.049	8.816
5	Thuế xuất nhập khẩu	-	-	6
6	Thuế tài nguyên	-	-	1.164
7	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.446
8	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	314
9	Các loại thuế khác	-	-	861
Tổng cộng		22.309	25.056	60.801

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

Bảng 29: Số dư các khoản thuế phải nộp của Công ty mẹ

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
1	Thuế thu nhập cá nhân	139	405	289
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.540	-	-
3	Các loại thuế khác	134	568	861
Tổng cộng		1.812	973	1.150

Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021

Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ của Công ty được thực hiện căn cứ theo:



- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Đề xuất của HĐQT và sự phê duyệt của ĐHCĐ.

Bảng 30: Tình hình trích lập các quỹ hợp nhất của Công ty qua các năm*Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.658	8.442	14.545
Quỹ đầu tư phát triển	16.948	16.597	22.714
Tổng cộng	24.606	25.039	37.259

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC hợp nhất Quý III năm 2021***Bảng 31: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ qua các năm***Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.059	2.059	2.059
Quỹ đầu tư phát triển	725	725	725
Tổng cộng	2.784	2.784	2.784

*Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021***Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm**

Công ty hiện có thực hiện vay nợ ngân hàng, cụ thể:

Bảng 32: Số dư các khoản vay hợp nhất của Công ty qua các năm*Đvt: triệu đồng*

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.696.820	1.694.855	2.568.732
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.858.339	3.802.391	5.117.641

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC hợp nhất Quý III năm 2021***Bảng 33: Số dư các khoản vay của Công ty mẹ qua các năm***Đvt: triệu đồng*

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	698.541	809.071	1.144.229
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	541.952	831.625	1.018.239

Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021



Chi tiết các khoản phải thu của công ty

Bảng 34: Chi tiết các khoản phải thu hợp nhất của Công ty

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
I	Phải thu ngắn hạn	806.472	1.003.665	1.671.100
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	665.016	812.843	1.284.339
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	117.979	198.849	339.151
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.810	3.810	15.370
4	Phải thu ngắn hạn khác	79.919	56.667	101.581
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(60.253)	(68.504)	(69.342)
II	Phải thu dài hạn	25.387	40.821	38.476
1	Phải thu dài hạn khác	25.387	40.821	38.476
TỔNG CỘNG		831,858	1.044.486	1.709.576

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

Bảng 35: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
I	Phải thu ngắn hạn	393.515	543.821	805.338
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	415.476	495.787	678.849
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.479	87.954	159.575
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.200	3.200	14.260
4	Phải thu ngắn hạn khác	14.899	15.417	11.767
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(50.539)	(58.537)	(59.113)
II	Phải thu dài hạn khác	18.121	22.083	18.800
1	Phải thu dài hạn khác	18.121	22.083	18.800
TỔNG CỘNG		411.635	565.904	824.137

Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021

Các khoản nợ phải trả

Bảng 36: Chi tiết các khoản nợ phải trả hợp nhất của Công ty

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
I	Nợ phải trả ngắn hạn	2.220.332	2.574.316	3.868.036
1	Phải trả người bán ngắn hạn	212.398	291.455	553.970



STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	71.868	135.119	171.124
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.308	25.057	60.801
4	Phải trả người lao động	42.771	57.872	73.452
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	68.184	95.816	91.379
6	Phải trả ngắn hạn khác	89.879	257.256	325.333
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.696.820	1.694.855	2.568.732
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	8.445	8.445	8.700
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.658	8.442	14.545
II	Nợ phải trả dài hạn	3.300.298	4.402.585	6.605.510
1	Phải trả dài hạn người bán	3.159	26.656	45.093
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	17.123
3	Doanh thu chưa được thực hiện dài hạn	874	641	466
4	Phải trả dài hạn khác	323.581	372.029	898.540
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.858.339	3.802.391	5.117.641
6	Thuế và thu nhập hoãn lại	114.345	200.868	526.647
TỔNG CỘNG		5.520.629	6.976.902	10.473.546

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

Bảng 37: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty mẹ

Dvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
I	Nợ phải trả ngắn hạn	885.660	1.071.763	1.360.420
1	Phải trả người bán ngắn hạn	80.806	126.810	67.058
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	66.980	88.575	113.416
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.812	973	1.150
4	Phải trả người lao động	7.315	8.573	8.463
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	18.091	28.390	11.314
6	Phải trả ngắn hạn khác	3.349	607	6.025
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	698.541	809.071	1.144.229
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	6.706	6.706	6.706
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.059	2.059	2.059
II	Nợ phải trả dài hạn	633.125	869.538	1.587.793
1	Doanh thu chưa được thực hiện dài hạn	874	641	466



STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
2	Phải trả dài hạn khác	90.299	37.273	569.088
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	541.952	831.625	1.018.239
TỔNG CỘNG		1.518.784	1.941.301	2.948.213

Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC riêng lẻ Quý III năm 2021

2.2. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty giai đoạn 2019 – 2020

Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu của Công ty giai đoạn 2019 – 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2019	31/12/2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,076	1,216
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,106	0,076
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,727	0,717
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,667	2,533
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,933	4,811
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,393	0,380
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	1,179	1,192
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
	- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,010	0,008
	- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	0,013	0,010
	- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,004	0,003
	- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,014	0,011
	- Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,015	0,010
	- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	211	132

Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020

Bảng 40: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,040	1,264
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,027	0,007



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,569	0,590
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,321	1,437
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,226	6,211
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,607	0,004
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	1,609	1,909
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
	- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,006	0,006
	- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	0,009	0,009
	- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,004	0,004
	- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,009	0,010
	- Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,011	0,007

Nguồn: Tính toán từ BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Theo Báo cáo kiểm toán số 20-21-029 (kiểm toán) ngày 09/04/2021 của Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam cho Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020 của công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt nam. Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tình chính hợp nhất”.

Theo Báo cáo kiểm toán số 20-21-029 (kiểm toán) ngày 09/04/2021 của Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam cho Báo cáo tài riêng kiểm toán năm 2020 của công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt nam. Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tình chính riêng”.

**4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức****4.1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh**

Dựa vào tình hình hoạt động năm 2020 và định hướng phát triển của công ty, DNP đã đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho năm 2021 với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng 40: Kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính hợp nhất năm 2021*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Năm 2021		TH đến 30/09/2021	% thực hiện KH năm
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước		
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	3.289	5.919	80,0%	3.403	57,49%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	27	20	-25,9%	8	40%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,8%	0,338%	-59%	0,24%	71,01%
Vốn chủ sở hữu	2.755	3.001	8,9%	3.744	124,76%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	1,1%	0,7%	-38%	0,25%	35,71%
Cổ tức	-	-	0%	0	0%

Nguồn: NQ ĐHĐCĐ thường niên 2021 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/07/2021 đã thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 nêu trên.

(***): Chỉ tiêu này được tính toán dự kiến dựa trên Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

a. Căn cứ để đạt được kết quả doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Năm 2021, mặc dù đã có vaccine phòng COVID-19, nhưng do chưa thể phân phối trên diện rộng và hiệu quả cũng chưa cao nên dự báo ảnh hưởng của dịch bệnh sẽ còn kéo dài ở hầu hết các quốc gia.

Nổi lên như một điểm sáng của thế giới, Việt Nam được đánh giá là quốc gia ứng phó thành công nhất với dịch COVID-19. Sự chuẩn bị kỹ càng, tích cực, chủ động vào cuộc ngay từ đầu của cả hệ thống chính trị, thông tin minh bạch là những yếu tố tạo nên sự thành công của Việt Nam.



Ngành vật liệu xây dựng

Mảng nhựa xây dựng và gạch ngói vẫn được kỳ vọng là một trong những động lực tăng trưởng trong giai đoạn 2021 – 2022, xây dựng nhà ở và xây dựng hạ tầng nước được dự báo sẽ tăng trưởng lần lượt 6,7% và 7,3% mỗi năm. Mảng kinh doanh ống nhựa hạ tầng và vật tư ngành nước được dự báo tiếp tục tăng trưởng theo nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng cấp thoát nước tại các địa phương, khu công nghiệp... với xu hướng FDI tăng và dịch chuyển nhiều nhà máy sản xuất vào Việt Nam. Mảng ống nhựa và phụ kiện dân dụng, gạch ngói còn dư địa phát triển lớn. Theo Savills Việt Nam, tính đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam đạt 37%, thấp hơn so với các nước Đông Nam Á (50%) và châu Á (51%). Tốc độ đô thị hóa chậm cho thấy tiềm năng lớn cho sự phát triển trong tương lai. Dân số Việt Nam được dự báo sẽ tăng từ 96 triệu người trong năm 2019 lên 120 triệu vào năm 2050 với tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt 57%. Tầng lớp trung lưu hiện chiếm 13% dân số và được dự đoán sẽ lên mức 26% vào năm 2026. Theo đó, nhu cầu nhà ở đô thị, đặc biệt là chung cư, và các công trình xây dựng khác như văn phòng, trung tâm mua sắm... sẽ phát triển mạnh, tạo tổng cầu lớn và liên tục tăng trưởng đối với các sản phẩm ống nhựa dân dụng và phụ kiện, gạch ngói.

Ngành bao bì

Ngành Bao bì Việt Nam có quy mô lớn và rất đa dạng, nhiều loại sản phẩm từ đơn lớp đến đa lớp, nhiều loại vật liệu gồm PET và non-PET, tính chất bao bì cứng hoặc mềm. Quy mô ngành bao bì của Việt Nam ước đạt 33 tỷ USD.

Theo BMI, tăng trưởng thu nhập và chi tiêu hộ gia đình Việt Nam được dự báo ở mức trung bình khoảng 7,1% giai đoạn 2020 – 2022. Trong đó tăng trưởng chi tiêu cho hai mảng thực phẩm và đồ uống không cồn lần lượt ở mức 11,8% và 12%. Với khách hàng chính mảng bao bì cứng của công ty là đóng gói sản phẩm cho các doanh nghiệp thực phẩm, hàng tiêu dùng nhanh như Vinamilk, Nestle... xu hướng tăng trưởng tiêu dùng tại thị trường Việt Nam tạo dư địa phát triển lớn cho doanh thu mảng kinh doanh này.

Sản phẩm gia dụng

Xu hướng ngày càng rõ nét trên thị trường sản phẩm gia dụng trong những năm gần đây là sự dịch chuyển nhu cầu sang các sản phẩm gia dụng cao cấp hơn, chất liệu an toàn, mẫu mã đẹp và tiện lợi. Nếu trước đây thị trường phân khúc rõ là các tập đoàn nước ngoài lớn ở phân khúc cao cấp, các công ty Việt Nam ở phân khúc trung cấp và bình dân, thì hiện tại nhiều doanh nghiệp Việt đã đầu tư hơn về phát triển sản phẩm và năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng, mẫu mã... để tham gia vào phân khúc cao hơn.

Ngành nước



Theo đánh giá của Công ty Chứng khoán TPHCM (HSC), ngành nước có triển vọng rất tích cực. Kinh tế tăng trưởng cao, ổn định, cùng với tốc độ đô thị hóa và tăng trưởng dân số nhanh đã kéo theo nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất công nghiệp và cho tiêu dùng tăng mạnh. Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) của ngành nước giai đoạn 2017 - 2020 lần lượt ở mức 43% đối với nước công nghiệp và 35% đối với nước sạch tiêu dùng.

Theo quy hoạch về phát triển cấp nước cho các khu đô thị và công nghiệp đến năm 2025, Việt Nam hướng đến các mục tiêu tỷ lệ tiếp cận nước sạch được cung cấp tập trung ở khu đô thị là 100% với tiêu chuẩn tiêu thụ 120 lít/người/ngày. Chiến lược Quốc gia về cấp nước và vệ sinh nông thôn đến năm 2020 đã đặt mục tiêu, tất cả dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày. Như vậy, tổng cầu và dư địa tăng trưởng của ngành nước sạch còn rất lớn.

Bên cạnh việc tăng tổng cầu do tác động của đô thị hóa, phát triển kinh tế, nhu cầu nước sạch ở một số địa phương ngày càng trở nên cấp thiết do các yếu tố tự nhiên, biến đổi khí hậu. Xâm nhập mặn năm 2019 - 2020 đã ảnh hưởng đến 10/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, ranh giới độ mặn 4 gam/lít đã làm 42,5% diện tích tự nhiên của toàn vùng bị ảnh hưởng, tương đương 1.688.600 ha và khoảng 96.000 hộ, 430.000 nhân khẩu đang sinh sống tập trung tại bảy tỉnh ven biển (Bến Tre, Sóc Trăng, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Long An và Trà Vinh) thiếu nước sinh hoạt nghiêm trọng, trong đó có 20.600 hộ thuộc vùng cấp nước từ công trình cấp nước tập trung, 75.400 hộ thuộc vùng cấp nước hộ gia đình. Theo nhóm Tài nguyên nước Thế giới (WRG), nhu cầu nước vào mùa khô ở lưu vực sông Đông Nam Bộ vào năm 2030 sẽ tăng 44% so với năm 2016 và sẽ thiếu hụt 0,8 tỷ m³. Hơn lúc nào hết, Việt Nam cần các dự án cấp nước tăng cường hiệu quả và bền vững cho các khu vực bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Ngoài việc đáp ứng về khối lượng nước, ngành nước sạch còn phải luôn đảm bảo các chuẩn khắt khe về chất lượng vì nước sạch là nhu cầu thiết yếu và gắn với an sinh xã hội, sức khỏe, đời sống của mọi gia đình. Ngày 28/8/2020, Thủ tướng đã ban hành Chỉ thị 34/CT-TTg về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Theo đó các bộ ngành, địa phương sẽ tăng cường giám sát về cấp nước và chất lượng nước sạch của các hệ thống cấp nước; giám sát hệ thống sản xuất, cung cấp nước đô thị; bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; xây dựng tiêu chí đánh giá và quy định chứng nhận công trình bảo đảm cấp nước an toàn. Các quy định quản lý và giám sát chặt chẽ hơn sẽ sàng lọc và tăng chất lượng các doanh nghiệp trong ngành nước.

b. Các giải pháp chính thực hiện kế hoạch

Nước sạch và môi trường



Tiếp tục tăng quy mô thông qua việc đầu tư vào các công ty nước mới và nâng tỷ lệ sở hữu tại các đơn vị thành viên và công ty liên kết và phát triển dự án tại các khu vực tiềm năng. Tiếp tục hoàn thiện quy trình chuyển đổi số tại các đơn vị thành viên để nâng cao năng suất lao động, cải thiện hiệu quả hoạt động, tăng cường chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng, chuyên nghiệp hóa quản trị, vận hành. Mở rộng địa bàn hoạt động và phát triển mạng lưới khách hàng cũng như gia tăng hiệu quả đầu nổi hiện hữu thông qua việc nâng công suất nhà máy nước, gia tăng số lượng đồng hồ, tiếp quản các vùng cấp nước theo quy hoạch... Tăng cường quản lý chất lượng nước đầu vào và đầu ra nhằm đảm bảo nguồn nước đạt yêu cầu thông qua việc giám sát chặt chẽ, đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước thô, đầu tư công nghệ máy móc, thường xuyên kiểm tra chất lượng nước, báo cáo thường xuyên về chất lượng nước và các vấn đề liên quan đến vận hành. Đầu tư nghiên cứu ứng dụng các công nghệ, giải pháp mới ngoài các hoạt động thường xuyên, nhằm nâng cao năng lực phát triển, thực hiện dự án, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Vật liệu xây dựng

Màng ống nhựa, phụ kiện và vật tư thiết bị ngành nước duy trì hoạt động ổn định kinh doanh hạ tầng, giữ vững vị thế số 1 thị trường hạ tầng cấp thoát nước khu vực phía Nam, đồng thời mở rộng ra thị trường miền Bắc. Tích cực phát triển kinh doanh trên thị trường xây dựng dân dụng, trở thành lựa chọn số 1 cho dịch vụ MEP (cơ điện – điện – thoát nước) cho các tòa nhà. củng cố thương hiệu và độ phủ kênh phân phối trên thị trường bán lẻ cả nước đối với màng gạch ngói.

Bao bì

Đối với bao bì mềm, đẩy mạnh khai thác các sản phẩm mới giá trị cao của nhà máy bao bì 5 vừa đầu tư, tối ưu hóa đơn hàng và sản lượng các nhà máy đã có, cải thiện hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm. Đối với bao bì cứng, khai thác hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên nền tảng hiện hữu, ưu tiên nguồn lực cho các khu vực sản phẩm có biên lợi nhuận cao, mang tính thiết yếu trong mọi điều kiện nền kinh tế để duy trì doanh thu ổn định. Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm sang các nguyên vật liệu giá cả ổn định hơn, tận dụng ít nhất 70% công suất các nhà máy sản xuất nhựa HDPE và các khuôn công ty đã đầu tư. Tập trung phát triển quan hệ hợp tác và quy mô đơn hàng với các khách hàng chiến lược chiếm phần lớn tỷ trọng trong doanh thu công ty.

Sản phẩm gia dụng

Trên cơ sở dãy sản phẩm đa dạng và thương hiệu INOCHI đã được đón nhận tiếp tục



phát triển quy mô và độ phủ trên các kênh phân phối hiện đại và truyền thống: tăng số lượng sản phẩm được bày bán, số lượng điểm bán và doanh thu bán ra. Tiếp tục đầu tư phát triển sản phẩm và mở các shop INOCHI trên các tỉnh thành để quảng bá thương hiệu và sản phẩm gia dụng cao cấp. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quảng bá sản phẩm, hỗ trợ bán hàng đa kênh để thương hiệu INOCHI được người tiêu dùng biết đến và sử dụng rộng rãi.

Tài chính – Quản trị

Tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác công nghệ - kỹ thuật để cải thiện hiệu quả vận hành; phối hợp chặt chẽ với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm các cơ hội huy động nguồn lực đầu tư và phát triển công ty. Hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình đảm bảo mọi hoạt động trong công ty được diễn ra xuyên suốt, mạch lạc và đạt hiệu quả cao. Tăng cường công tác giám sát, quản lý tại công ty mẹ và các công ty con, đảm bảo mọi công tác đều được triển khai theo đúng định hướng phát triển của công ty và luôn hỗ trợ các đơn vị kịp thời. Chuẩn hóa và thường xuyên triển khai các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ nhân viên, đảm bảo phúc lợi cho người lao động và áp dụng các cơ chế khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động, phát triển sự nghiệp và gắn bó với công ty.

4.2. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank xin đưa ra đánh giá về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức của DNP trong năm 2021 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2019, 2020; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu sản phẩm của Công ty với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động tiêu cực thì Agriseco đánh giá kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.





VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG:

1. Thông tin về cổ đông sáng lập:

Các hạn chế với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn:

- Đối với cá nhân:

STT	Tên	Năm sinh	Quốc tịch	Quan hệ với cổ đông lớn	Cổ phần có quyền biểu quyết				Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)
					Cổ phiếu đang nắm giữ		Dự kiến Cổ phiếu sau chào bán		
					Số lượng (cp)	Tỷ lệ	Số lượng (cp)	Tỷ lệ	
I. CỔ ĐÔNG LỚN									
1.	Vũ Đình Độ				11.618.882	10,65%	12.780.770	10,65%	Không có
2	Hoàng Anh Tuấn				5.551.648	5,09%	6.106.812	5,09%	Không có
3	Nguyễn Thị Thắm				5.596.667	5,13%	6.156.333	5,13%	Không có
Tổng cộng					22.767.197	20,86%	25.043.915	20.86%	

Nguồn: DNP Corp



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG



- Đối với tổ chức:

TT	Tên	Năm thành lập	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại DNP	Cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn				Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)
								Cổ phiếu đang nắm giữ		Dự kiến Cổ phiếu sau chào bán		
								Số lượng (cp)	Tỷ lệ	Số lượng (cp)	Tỷ lệ	
I. CỔ ĐÔNG LỚN												
1.	Công ty Cổ phần Đầu Tư Châu Á Thống Nhất				300	Nguyễn Thị Mỹ Bình – Chủ tịch HĐQT	Không có	6.583.588	6,03%	7.241.946	6,03%	Không có
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư VSD				800	Vũ Ngọc Tú – Tổng Giám đốc	Không có	10.831.442	9,92%	11.914.586	9,92%	Không có
3.	Công ty TNHH Capella Group				1,000	Nguyễn Thu Hằng – Chủ tịch HĐQT	Không có	8.822.941	8,08%	9.705.235	8,08%	Không có
Tổng cộng								26.237.871	24,03%	28.861.767	24,03%	



Nguồn: DNP Corp

TT	Tên	Mối liên quan	Năm sinh	Quốc tịch	Cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan của cổ đông lớn				Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)
					Cổ phiếu đang nắm giữ		Dự kiến Cổ phiếu sau chào bán		
					Số lượng (cp)	Tỷ lệ	Số lượng (cp)	Tỷ lệ	
I. NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN									
1.	Nguyễn Thị Mỹ Bình	Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Châu Á Thống Nhất			0	0,00%	0	0,00%	Không có
2.	Vũ Ngọc Tú	Tổng Giám đốc CTCP Đầu Tư VSD			4.066.351	3,73%	4.472.986	3,73%	Không có
3.	Nguyễn Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Capella Group			0	0,00%	0	0,00%	Không có
Tổng cộng					4.066.351	3,73%	4.472.986	3,73%	

Nguồn: DNP Corp



Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người liên quan của họ, các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với các đối tượng này bao gồm: Không có.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

3.1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

Tại thời điểm hiện nay, Hội đồng Quản trị Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Vũ Đình Độ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2.	Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
3.	Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên Hội đồng Quản trị.
4.	Hồ Anh Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị.
5.	Lê Văn Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
6.	Akhil Jain	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
7.	Phan Thùy Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị.

➤ Ông Vũ Đình Độ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ chuyên môn
- Trình độ văn hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2006	Công ty TNHH Kiểm toán KPMG Việt Nam.	Kiểm toán viên.
2006 - 2007	KPMG Singapore.	Kiểm toán viên.
2007 - 2008	Công ty chứng khoán Sài Gòn.	Giám đốc dự án Phòng Công cụ phái sinh, M&A.
2009 - 2011	Công ty cổ phần CK Vndirect.	Giám đốc khối Nghiên cứu,



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		Phân tích, Đầu tư.
2011 - 2012	Phó TGD tại Công ty chứng khoán Maritimebank.	Phó TGD.
2012 - nay	Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Phó TGD, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan tại ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu theo đại diện sở hữu: 11.618.882 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10,64%.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tỷ lệ vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Vũ Đức Tuệ	Bố đẻ	0	0,00%
2.	Đỗ Thị Thu Quyên	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Nguyễn Đức Tuyên	Bố vợ	0	0,00%
4.	Nguyễn Thị Cẩm	Mẹ vợ	0	0,00%
5.	Nguyễn Thị Hạnh	Vợ	0	0,00%
6.	Vũ Đình Chí Dũng	Con đẻ	0	0,00%
7.	Vũ Đình Trung	Con đẻ	0	0,00%
8.	Vũ Nguyễn Thảo Nguyên	Con đẻ	0	0,00%
9.	Vũ Mạnh Đức	Anh ruột	0	0,00%
10.	Vũ Thị Thu	Chị ruột	0	0,00%



11.	Vũ Bích Thủy	Chị ruột	0	0,00%
12.	Ngô Đức Hòa	Anh rể	0	0,00%
13.	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0,00%

➤ Ông Ngô Đức Vũ – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ văn hóa
- Trình độ chuyên môn : *Chuyên viên Kế toán*
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2002	Dự án Phát triển Nông thôn Cao Bằng Bắc Kạn	Kế toán Trưởng.
2005 - 2010	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam.	Giám đốc đầu tư.
2010 - 2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt.	Tổng Giám đốc.
2013 – 2019	Công ty Nhựa Đồng Nai Miền Trung.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2014 - 2015	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Phó Tổng Giám đốc thường trực.
2015 - 31/07/2017	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Tổng Giám đốc.
31/07/2017 - nay	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2018 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Phó Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT (kể từ 27/8/2021)
2019 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Đắc Lắc	Chủ tịch HĐQT
2020 đến nay	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Thành viên HĐQT
03/2021 đến nay	Công ty Cổ phần CMC	Chủ tịch HĐQT
10/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Bình Phước	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT.



- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Đắk Lắk.
 - + Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa.
 - + Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.
 - + Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần CMC
 - + Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan tại ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu theo đại diện sở hữu: 121.036 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Đinh Thị Thí	Mẹ đẻ	0	0,00%
2.	Nguyễn Văn Trí	Bố vợ	0	0,00%
3.	Lê Thị Hòa	Mẹ vợ	0	0,00%
4.	Ngô Thị Thanh Vân	Chị ruột	0	0,00%
5.	Ngô Việt Bảo	Con đẻ	0	0,00%
6.	Ngô Việt Thi	Con đẻ	0	0,00%
7.	Nguyễn Thùy Dung	Vợ	0	0,00%
8.	Đinh Công Chính	Anh rể	0	0,00%
9.	Ngô Đức Giang	Em ruột	0	0,00%
10.	Ngô Thị Hường	Em dâu	0	0,00%
11.	Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk	Người nội bộ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
12.	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0,00%



13.	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Người nội bộ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
14.	Công ty Cổ phần CMC	Người nội bộ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
15.	Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Bình Phước	Người nội bộ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0,00%

➤ Ông Nguyễn Văn Hiếu – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ văn hóa
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2008	Công ty Kiểm toán Nexia.	Kiểm toán viên.
2009 - 2012	Công ty Cổ phần đầu tư T&C.	Giám đốc Tài chính.
2012 - 08/04/2017	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Giám đốc kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc điều hành.
08/04/2017 - nay	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Thành viên Hội đồng quản trị.
31/07/2017 - nay	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Tổng Giám đốc.
03/2016 – 22/02/2019	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam.	Thành viên HĐQT.
2019 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai miền Trung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2019 đến nay	Công ty TNHH SXKD Nhựa Đồng Nai	Chủ tịch Hội đồng thành viên



Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
20/04/2020 - nay	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam (T3/2021 đổi tên thành Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam).	Chủ tịch HĐQT.
03/2021 - nay	Công ty Cổ phần CMC	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai miền Trung.
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam.
 - + Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH SXKD Nhựa Đồng Nai.
 - + Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần CMC.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu theo đại diện sở hữu: 485.376 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,49% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan 9.522 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Văn Thái	Bố đẻ	0	0,00%
2.	Nguyễn Thị Hòa	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Nguyễn Thị Hiền	Em gái	0	0,00%
4.	Nguyễn Thị Hoa	Em gái	0	0,00%
5.	Trần Thị Thiện	Vợ	9.522	0.01%
6.	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Con đẻ	0	0,00%



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
7.	Nguyễn Đức Vinh	Con đẻ	0	0,00%
8.	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Người nội bộ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
9.	Công ty TNHH SXKD Nhựa Đồng Nai	Người nội bộ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
10.	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	Người nội bộ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
11	Công ty Cổ phần CMC	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0,00%

➤ Ông Lê Văn Minh – Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ văn hóa
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 – 2000	Công ty TNHH MERA.	Kế toán viên.
2000 – 2003	Công ty TNHH MERA.	Kế toán trưởng.
2003 – 2004	Công ty TNHH Sáng Tạo (CREAD).	Kế toán trưởng,
2005 – 2006	Công ty Cổ phần Định Gia Nét (DIGINET).	Chuyên viên tư vấn Triển Khai phần mềm quản trị DN.
2006 – 2008	Công Ty Cổ phần Tập đoàn Khai Toàn (KTG).	Giám đốc tài chính.
2008 – 2010	Công ty Cổ phần Thời trang Việt (VFC).	Giám đốc tài chính.
2010 – 2014	Công ty TNHH YUJIN VINA.	Giám đốc tài chính.



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015 – 2016	Công ty TNHH Masterbatch Việt Nam.	Giám đốc tài chính.
2016 – 2017	Công ty Cổ phần ECI Saigon.	Tổng Giám đốc.
2017 – 2020	Công ty Cổ phần TĐ KNG Trường Thành.	Giám đốc Tài chính.
05/05/2019 – nay	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
2020 – nay	Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao	Phó Tổng Giám đốc
2020 – nay	Công ty Cổ phần Địa ốc SACOM	Trưởng Ban kiểm soát
2020 – nay	Công ty Cổ phần Dây và Cáp SACOM	Thành viên HĐQT
2020 – nay	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần	Thành viên Ban kiểm soát
2020 – nay	Công ty Cổ phần Sametel	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT, trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Địa ốc SACOM.
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dây và Cáp SACOM
 - + Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần SACOM - Tuyển Lâm
 - + Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao
 - + Thành viên Ban kiểm soát - Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Sametel
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu theo đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.



+ Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Thị Minh Hôn	Vợ	0	0,00%
2.	Lê Đức Anh	Con ruột	0	0,00%
3.	Lê Trung Nhật	Con ruột	0	0,00%
4.	Châu Thị Thảo	Mẹ ruột	0	0,00%
5.	Phan Thị Huệ	Mẹ vợ	0	0,00%
6.	Lê Văn Việt	Anh ruột	0	0,00%
7.	Lê Văn Thân	Anh ruột	0	0,00%
8.	Lê Văn Trí	Anh ruột	0	0,00%
9.	Lê Văn Cảnh	Em ruột	0	0,00%
10.	Lê Thị Tuyết Nhung	Em ruột	0	0,00%
11.	Lê Văn Hải	Em ruột	0	0,00%
12.	Nguyễn Ngô Thu Trúc	Chị dâu	0	0,00%
13.	Vương Thị Bích Hường	Chị dâu	0	0,00%
14.	Phạm Thị Kim Oanh	Em dâu	0	0,00%
15.	Võ Đình Chương	Em rể	0	0,00%
16.	Dương Thị Rôi	Em dâu	0	0,00%
17.	Công ty Cổ phần Địa ốc SACOM	Người nội bộ giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát	0	0,00%
18.	Công ty Cổ phần Dây và Cáp	Người nội bộ giữ chức vụ thành viên	0	0,00%



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
	SACOM	HDQT		
19.	Công ty Cổ phần SACOM – Tuyên Lâm	Người nội bộ giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát	0	0,00%
20.	Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao	Người nội bộ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc	0	0,00%
21.	Tổng Công ty Sản Xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên ban kiểm soát	0	0,00%
22.	Công ty Cổ phần Sametel	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên HDQT	0	0,00%

➤ Ông Hồ Anh Dũng – Thành viên HDQT, Thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ văn hóa
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2004 – 10/2004	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn.	Chuyên viên môi giới.
10/2004 – 04/2007	Cục thuế thành phố Hà Nội.	Công chức Thanh tra.
04/2007 – 10/2009	Công ty cổ phần Tập đoàn FPT.	Trợ lý Chủ tịch & CEO.
10/2009 – 10/2010	Công ty cổ phần Viễn thông FPT.	Phó Giám đốc Chi nhánh.



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2010 – 10/2014	Công ty cổ phần Chứng khoán MBS.	Khách hàng tổ chức.
10/2014 – 8/2017	Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc gia.	Phó Tổng Giám Đốc.
8/2017 - nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc gia.	Tổng Giám Đốc, thành viên HĐQT.
04/2017 – 6/2019	Công ty cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành.	Chủ tịch Hội đồng quản trị .
03/2019 – nay	Công ty cổ phần SAM Holdings.	Thành viên Hội đồng quản trị.
05/05/2019 – nay	CTCP Nhựa Đồng Nai.	Thành viên HĐQT, Thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT, Thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Tổng Giám Đốc, thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia.
 - + Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần SAM Holdings.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ:
 - + Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc gia: 1.515.600, chiếm tỷ lệ 1,52%.
 - + Công ty cổ phần Sam Holding: 3.370.100, chiếm tỷ lệ 3,37%
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu theo đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.



+ Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

+ Những người có liên quan:

- Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc gia (ông Dũng giữ chức vụ Tổng giám đốc): 1.515.600, chiếm tỷ lệ 1,52%.
- Công ty cổ phần Sam Holding (ông Dũng giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT): 3.370.100, chiếm tỷ lệ 3,37%.

Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Hồ Xuân Lâm	Bố đẻ	0	0,00%
2.	Lưu Thị Dung	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Hồ Lưu Ngọc	Em ruột	0	0,00%
4.	Hồ Phạm Tuấn Minh	Con ruột	0	0,00%
5.	Trần Xuân Hiền	Em rể	0	0,00%
6.	Công ty CP Chứng khoán Quốc gia	Người nội bộ giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT	1.667.160	1,53%
7.	Công ty CP SAM Holdings	Người nội bộ giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT	3.707.110	3,4%

➤ Ông Akhil Jain – Thành viên Hội đồng Quản trị:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND/Hộ chiếu
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác :



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015 - nay	Olympus Capital Asia	Director
2011 - 2015	Navis Capital Partners	Investment Manager

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Giám đốc tại Olympus Capital Holdings
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Ankita Jain	Vợ	0	0,00%
2.	P K Jain	Bố đẻ	0	0,00%
3.	Aruna Jain	Mẹ đẻ	0	0,00%

➤ Bà Phan Thùy Giang – Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2018 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư; Phó



		Tổng Giám đốc
Từ 2018 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 2018 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Đắc Lắc	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 03/2021 đến nay	Công ty Cổ phần CMC	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP;
 - + Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An
 - + Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Cấp nước Đắc Lắc
 - + Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần CMC
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu cá nhân: cổ phần, chiếm tỷ vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
	Phan Thị Tố Nga	Mẹ đẻ	0	0,00%
	Phan Chí Hiếu	Anh trai	0	0,00%
	Lăng Thị Thanh	Chị dâu	0	0,00%
	Phan Thị Thảo	Chị gái	0	0,00%
	Võ Khánh Khoa	Anh rể	0	0,00%
	Nguyễn Việt Thịnh	Bố chồng	0	0,00%
	Nguyễn Việt Thu	Chồng	0	0,00%
	Nguyễn Việt Trung Khải	Con ruột	0	0,00%
	Nguyễn Phan Uyên	Con ruột	0	0,00%



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
	Phương			
	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên BKS	0	0,00%
	Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk	Thành viên BKS	0	0,00%
	Công ty Cổ phần CMC	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0,00%

3.2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Tại thời điểm hiện nay, Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc.
2.	Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc.
3.	Trần Hữu Chuyên	Phó Tổng Giám đốc.
4.	Trịnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc.
5.	Nguyễn Hồng Chương	Phó Tổng Giám đốc.

➤ Ông Nguyễn Văn Hiếu – Tổng Giám đốc

Đã trình bày tại mục Thành viên HĐQT

➤ Bà Phan Thùy Giang – Phó Tổng Giám đốc

Đã trình bày tại mục Thành viên HĐQT

➤ Ông Trần Hữu Chuyên – Phó Tổng Giám đốc:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1981 - 1984	Tham gia Quân đội.	
1985 - 1998	Công ty Diêm Đồng Nai.	Trưởng phòng Kỹ thuật,



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		Phó Giám đốc.
1998 - 2003	Công ty Nhựa Đồng Nai.	Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc.
2003 - 2013	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
04/05/2013 - 2017	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Thành viên HĐQT.
04/2017 - nay	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Phó Tổng giám đốc.
2019 đến nay	Công Ty TNHH SXKD Nhựa Đồng Nai	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
03/2021 - nay	Công ty Cổ phần CMC	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Công Ty TNHH SXKD Nhựa Đồng Nai.
 - + Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ phần CMC
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu đại diện sở hữu: 682.004 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.62% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Trần Hữu Trinh	Bố ruột	0	0,00%
2.	Trần Thị Liêm	Mẹ ruột	0	0,00%
3.	Trần Thị Thụy	Em ruột	0	0,00%



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
4.	Trần Hữu Hà	Em ruột	0	0,00%
5.	Trần Hữu Hiệu	Em ruột	0	0,00%
6.	Trần Hữu Huyền	Em ruột	0	0,00%
7.	Lê Thị Lợi	Vợ	0	0,00%
8.	Trần Quỳnh Như	Con ruột	0	0,00%
9.	Trần Mạnh Cường	Con ruột	0	0,00%
10.	Công ty TNHH SXKD Nhựa Đồng Nai	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0,00%
11.	Công ty Cổ phần CMC	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0,00%

➤ Ông Trịnh Kiên – Phó Tổng Giám đốc:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CCCD
- Địa chỉ
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 - 2011	Công ty Chứng khoán Ngân hàng VPBank.	Giám đốc tư vấn tài chính doanh nghiệp.
Từ 2015 - 01/11/2019	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Người được ủy quyền công bố thông tin
01/04/2021 - nay	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Phó Tổng Giám đốc.
2018 - nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Thành viên HĐQT
2020 - nay	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Thành viên HĐQT



2020 - nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Thành viên HĐQT
2021 - nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Thành viên BKS

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa
 - + Thành viên BKS - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan tại ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu theo đại diện sở hữu: 93.404 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,086% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: Ông Trịnh Trung: 6.640 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ; Bà Phan Thị Thanh Bình: 33.500 cổ phần, chiếm 0,031% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Trịnh Văn Khiêm	Bố đẻ	0	0,00%
2.	Nguyễn Thị Vũ	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Trịnh Trung	Em trai	6.640	0,0006%
4.	Nguyễn Thị Ngọc Hoàn	Em dâu	0	0,00%
5.	Phan Thị Thanh Bình	Vợ	33.500	0,031%
6.	Trịnh Phan Trúc Linh	Con ruột	0	0,00%
7.	Trịnh Bảo Nam	Con ruột	0	0,00%
8.	Trịnh Phan Thục Anh	Con ruột	0	0,00%



9.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0,00%
10.	Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0,00%
11.	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0,00%
12.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên BKS	0	0,00%

➤ Ông Nguyễn Hồng Chương – Phó Tổng Giám đốc:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác :

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 – 2005	Procter & Gamble Vietnam	Quản lý phát triển kinh doanh
2005 - 2007	IKEA khu vực Đông Nam Á và Úc	Trợ lý Quản lý chung
2007 – 2011	Vina Australia Packaging Labels	Giám đốc khối Thương mại
2011 – 2015	Dalat Hasfarm	Trưởng phòng Sale và Marketing
2016 – 2017	Viettonkin Consulting	Giám đốc Sale và Marketing
29/01/2018 – 21/01/2020	CTCP Nhựa Tân Phú	Phó tổng giám đốc
01/04/2021 – nay	Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.



- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu theo đại diện sở hữu: 8.000 cổ phần, chiếm 0,007 % vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Hồng Chung	Bố đẻ	0	0,00%
2.	Phạm Thị Xuân Hương	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Trần Thị Thanh Phương	Vợ	0	0,00%
4.	Nguyễn Cát Minh	Con ruột	0	0,00%

3.3. Thành viên Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ:

Tại thời điểm hiện nay, Ban Kiểm soát Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Lê Văn Minh	Trưởng Tiểu Ban.
2.	Hồ Anh Dũng	Thành viên.
3.	Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên.

➤ Ông Lê Văn Minh – Trưởng tiểu ban Kiểm soát nội bộ

Đã trình bày tại mục Thành viên HĐQT

➤ Ông Hồ Anh Dũng - Thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ:

Đã trình bày tại mục Thành viên HĐQT

➤ Bà Nguyễn Hồng Oanh – Thành Viên Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ chuyên môn



- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/2020 - nay	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Thành viên – Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị
Từ 11/2020 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Trưởng phòng Kiểm soát Tài chính
2021 – nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Thành viên Ban kiểm soát
8/2021 – nay	Công ty Cổ phần CMC	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang
 - + Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần CMC
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Tam Khôi	Bố đẻ	0	0,00%
2.	Nguyễn Thị Hồng	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Nguyễn Hồng Anh	Em gái	0	0,00%
4.	Nguyễn Văn Hậu	Em rể	0	0,00%
5.	Nguyễn Hồng Dương	Em ruột	0	0,00%
6.	Mai Xuân Phong	Chồng	0	0,00%



7.	Mai Xuân Phúc	Con ruột	0	0,00%
8.	Mai Thanh Tùng	Con ruột	0	0,00%
9.	Mai Văn Thúy	Bố chồng	0	0,00%
10.	Nguyễn Thị Hoa	Mẹ chồng	0	0,00%
11.	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên BKS	0	0,00%
12.	Công ty Cổ phần CMC	Người nội bộ giữ chức vụ Thành viên BKS	0	0,00%

3.4. Kế toán trưởng:

Ông Trần Thái Sơn– Kế toán trưởng:

- Giới tính
- Ngày sinh
- CMND
- Quốc tịch
- Địa chỉ
- Trình độ văn hóa
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2012 – 08/2015	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.	Kiểm toán viên.
09/2015 – 05/2016	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.	Kiểm toán nội bộ.
06/2016 – 10/2016	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.	Kiểm toán nội bộ.
11/2016 – Nay	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.	Kế toán trưởng.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán Công ty của các tổ chức khác mà cá nhân nắm giữ chức vụ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.



- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan ngày 29/07/2021:
 - + Sở hữu theo đại diện sở hữu: 24.918 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Trần Chu	Bố ruột	0	0,00%
2.	Thái Thị Hòa	Mẹ ruột	0	0,00%
3.	Vũ Thị Hiền	Vợ	0	0,00%
4.	Vũ Đình Huân	Bố vợ	0	0,00%
5.	Lê Thị Hưng	Mẹ Vợ	0	0,00%

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:

Tổng số cổ phiếu chào bán: 10.914.568 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 109.145.680.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán: 20.698 đồng/cổ phiếu.

(Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 07 năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai).

6. Phương pháp tính giá:

Giá chào bán của cổ phiếu phát hành được xác định dựa trên các phương pháp sau đây:



- Phương pháp Giá trị sổ sách (BV).
- Phương pháp Giá thị trường.

6.1 Phương pháp Giá trị sổ sách (BV):

Việc xác định giá trị sổ sách một cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai được dựa trên số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2020 kết thúc tại thời điểm 31/12/2020, giá trị sổ sách một cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2020 được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu - Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành = Tổng số cổ phiếu - Số lượng cổ phiếu quỹ

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành = 109.154.493 - 8.810 = 109.145.683 cổ phần

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2020
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu (1)	Đồng	2.754.855.936.176
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (2)	Đồng	1.414.792.281.454
Vốn Chủ sở hữu (3) = (1) - (2)	Đồng	1.340.063.654.722
Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành (4)	Cổ phiếu	109.145.683
Giá trị sổ sách (5) = (3) / (4)	Đồng/Cổ phiếu	12.278

Như vậy, giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai tại thời điểm 31/12/2020 là 12.278 đồng/cổ phiếu.

6.2 Phương pháp giá thị trường:

Thị giá cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền chốt danh sách cổ đông họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày 15/06/2021) là 22.000 đồng/cổ phiếu.

6.3 Xác định giá chào bán:

Căn cứ giá trị sổ sách, giá thị trường và tiềm năng phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị đề xuất mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 20.698 đồng/cổ phiếu và đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

7. Phương thức phân phối:

- Khối lượng cổ phiếu của đợt chào bán này sẽ được chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 10:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu phổ thông sẽ được 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua được mua thêm 01 cổ phiếu mới).



- Phương án làm tròn: Số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Phương thức xử lý số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ:

+ Số lượng cổ phiếu lẻ (nếu có) và số cổ phiếu còn dư mà cổ đông không mua hết (nếu có) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng, số lượng phân phối nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Mức giá bán cổ phiếu còn dư, cổ phiếu lẻ không thấp hơn 20.698 đồng/cổ phiếu.

+ Số cổ phiếu được xử lý khi được chào bán cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

+ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai cam kết không phân phối cho các Công ty con đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”.

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

8.1. Thời hạn đăng ký mua:

Thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông tối thiểu là 20 ngày. Thời gian đăng ký cụ thể thực hiện theo Thông báo phát hành của Công ty.

8.2. Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.914.568 cổ phiếu.

8.3. Phương thức thanh toán:

Tiền mua chứng khoán phải được chuyển khoản vào Tài khoản phong tỏa được Công ty mở nhận tiền chào bán cổ phần ra công chúng cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

8.4. Chuyển giao cổ phiếu:

- Sau khi VSD gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các Thành viên lưu ký, Thành viên lưu ký hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành.

- Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.

- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty.

8.5. Quyền lợi người mua cổ phiếu:



- Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (chỉ được chuyển nhượng một lần, không chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng. Cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.

- Sau khi Công ty tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới phát hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ, trừ các điều kiện về hạn chế chuyển nhượng đối với những cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ được phân phối lại cho các đối tượng khác.

8.6. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: Không có.

8.7. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:

Không áp dụng.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định cụ thể sau khi có Giấy phép của UBCKNN. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, DNP Corp sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Bảng 41: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Stt	Công việc	Thời gian thực hiện
1.	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán từ UBCKNN.	T
2.	Công bố thông tin phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.	T + 1 đến T + 5
3.	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu.	T + 6 đến T + 7
4.	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T + 15
5.	Ngày đăng ký cuối cùng.	T + 17
6.	Phân bổ và thông báo quyền mua.	T + 17 đến T + 24
7.	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua.	T + 24 đến T + 44



Stt	Công việc	Thời gian thực hiện
8.	Tổng hợp danh sách.	T + 51
9.	HĐQT ra quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ (nếu có)	T + 53 đến T + 68
10.	Gửi báo cáo kết quả chào bán cổ phần cho UBCKNN.	T + 69
11.	Lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung.	T+69 đến T + 73
12.	Trao giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho nhà đầu tư mua thành công.	T + 73 đến T + 83

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu:

- Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi cổ tức vẫn được quyền mua cổ phiếu từ đợt phát hành này. Cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.

- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

- Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) được ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu đảm bảo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Số tài khoản: 1022810267
- Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hà Thành

12. Hủy bỏ đợt chào bán:

Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng là để bổ sung nhu cầu



vốn lưu động của Công ty. Vì vậy, theo quy định pháp luật, kết quả của đợt chào bán sẽ không bị hủy bỏ.

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại DNP Corp tuân theo Luật đầu tư nước ngoài năm 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại DNP Corp theo quy định của pháp luật, Công ty sẽ phối hợp cùng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán thêm cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, đảm bảo cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định và cam kết không phân phối số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ cho các nhà đầu tư nước ngoài để làm tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty.

14. Các loại thuế có liên quan:

14.1. Thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán:

✧ Thuế thu nhập cá nhân:

Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán: Thực hiện theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007, Luật 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và các văn bản liên quan. Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% giá trị chuyển nhượng.

✧ Thuế giá trị gia tăng:

Hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của Công ty không phải chịu thuế Giá trị gia tăng theo Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12;

Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, như được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017;

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, như được sửa đổi, bổ sung



bởi Thông tư số 119/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/5/2015, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015, Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014;

Căn cứ các quy định trên, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán đối với nhà đầu tư là tổ chức là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%. Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

14.2. Các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

❖ Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế (Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12) - Thu nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (theo Điều 14, 15 Chương IV Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12). Công ty phải nộp thuế suất thuế TNDN hiện hành đang áp dụng là 20%.

❖ Thuế giá trị gia tăng:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu thuế Giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

❖ Các loại thuế khác:

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

15. Thông tin về các cam kết:

15.1. Cam kết về việc thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán:

Công ty cam kết đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

15.2. Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán:

- Công ty cam kết đảm bảo việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.





- Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:

Đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/07/2021, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành:

Bảng 42: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành

Khoản mục	Số lượng cổ phiếu phát hành (CP)	Giá dự kiến (đồng)	Số tiền dự kiến thu được (đồng)
Chào bán cho cổ đông hiện hữu.	10.914.568	20.968	225.909.728.464
Tổng cộng	10.914.568		225.909.728.464

2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty triển khai chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động và kế hoạch kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân theo quy định pháp luật.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số/2021/NQ-HĐQT ngày/...../2021 V/v Thông qua việc triển khai hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty và Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành, cho tiết phương án sử dụng vốn thu được như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn: Trả nợ vay ngắn hạn	Tổng cộng	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	107.721.576.915	Quý IV/2021
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	87.243.672.077	Quý IV/2021
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (***)	30.944.479.472	Quý IV/2021
	Tổng	225.909.728.464	



3
N
G
II
I



(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 06/2021-HĐCVHM/NHCT682-NHUADN kí ngày 08/02/2021 đã được thể hiện tại mục 23.1 khoản 23 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ.

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 06/2021/458982/HĐTD kí ngày 26/02/2021 đã được thể hiện tại mục 23.1 khoản 23 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ.

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 06/2021/HĐTD/TTKHDNL MN1/01 kí ngày 04/05/2021 đã được thể hiện tại mục 23.1 khoản 23 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng nhất giữa niên độ và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ.

- Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ thì Công ty sẽ xử lý theo hướng:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Giao cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết.
- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc tạm thời sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho các hoạt động sản xuất kinh doanh khác để đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả khi chưa đến hạn sử dụng vốn theo các mục đích phát hành của phương án này.
- Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn.



X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

- Địa chỉ : Tầng 14 Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 3910 9100 Fax: 028 3910 9101.
- Website : www.granthornton.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

- Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại : 024 6276 2666. Fax: 024 6276 5666.
- Website : www.agriseco.com.vn

2. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank (Agriseco) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách thận trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

- Mục đích của đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu lần này nhằm huy động vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tăng vốn điều lệ, DNP Corp vừa có thể nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đồng thời giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Khối lượng chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này là 10.914.568 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty, tỷ lệ thực hiện quyền 10:1). Giá chào bán cổ phiếu DNP cho cổ đông hiện hữu là 20.698 đồng/cổ phần tương đương thị giá của DNP đang giao dịch trên thị trường hiện nay. Hội đồng Quản trị tin tưởng với tiềm năng phát triển của DNP Corp, DNP Corp sẽ phát hành thành công và huy động đủ vốn để bổ sung cho vốn lưu động của DNP Corp.

Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank cho rằng đợt chào bán 10.914.568 cổ phần cho cổ đông hiện hữu của DNP Corp là phù hợp với định hướng và kế hoạch phát triển của DNP Corp đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021





thông qua.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

3. Đại lý phát hành:

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cổ phiếu DNP cho các cổ đông DNP Corp thông qua các Công ty Chứng khoán – Thành viên lưu ký của VSD. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông DNP Corp.

4. Các khoản phí và điều kiện kèm theo:

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Trụ sở Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (đối với cổ đông chưa lưu ký).

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:

Không có.

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN:



Đồng Nai, ngày 12 tháng 11 năm 2021

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN VĂN HIẾU



VŨ ĐÌNH ĐỘ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THÁI SƠN



Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2021

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC




ĐINH NGỌC PHƯƠNG



XIII. PHỤ LỤC:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
3. Điều lệ Công ty.
4. Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2019, 2020 và Báo cáo tài chính Quý III năm 2021 (hợp nhất và Công ty mẹ).

